PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 427 + 428)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
tiểu khu 1	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 04"	105° 46' 29"					E-48-20-B-a
tiểu khu 2	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 03"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 46' 43"					E-48-20-B-a
tiểu khu 4	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 40"	105° 46' 45"					E-48-20-B-a
tiểu khu 5	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 00"	105° 46' 24"					E-48-20-B-a
tiểu khu 6	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 54"	105° 46' 42"					E-48-20-B-a
tiểu khu 7	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 35"	105° 46' 31"					E-48-20-B-a
thôn An Cư	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 49"	105° 43' 32"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Thôn Bài	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 23"	105° 43' 40"					E-48-8-C-d
kênh Bòng Bòng	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
thôn Cổ Trinh	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 11"	105° 44' 00"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
Thôn Kiểu	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 28"	105° 44' 15"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Núi Nga	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 39"	105° 44' 32"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Xuân Thắng	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 05"	105° 44' 49"					E-48-8-C-d
thôn Yên Tôn	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 57"	105° 44' 08"					E-48-8-C-d
Núi Chay	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"					E-48-20-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 21"	105° 48' 10"					E-48-20-B-a
thôn Đông Tiến	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 11"	105° 47' 31"					E-48-20-B-a
thôn Đông Trung	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 25"	105° 47' 44"					E-48-20-B-a
thôn Đông Yên	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 18"	105° 47' 45"					E-48-20-B-a
thôn Hải Bạng	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 25"	105° 47' 00"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Phú Minh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 29"	105° 47' 03"					E-48-20-B-a
thôn Quý Vinh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 41"	105° 47' 15"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 09"	105° 46' 26"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Khánh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 15"	105° 46' 50"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Thổi	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 45"	105° 48' 35"					E-48-20-B-a
thôn Yên Cầu	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 09"	105° 47' 10"					E-48-20-B-a
đường tỉnh 512	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d
cầu Bến Nhạn	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 48"	105° 42' 24"					E-48-8-C-d
hồ Bòng Bòng	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 29' 51"	105° 40' 44"					E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
kênh Bòng Bòng	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
Khe Các	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 18"	105° 42' 07"	19° 31' 11"	105° 41' 46"	E-48-8-C-d
Núi Các	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 07"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
Thôn Các	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 42' 08"					E-48-8-C-d
thôn Châu Thành	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 40"	105° 41' 40"					E-48-8-C-d
thôn Hải Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 42' 21"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
thôn Hoành Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 29"	105° 41' 49"					E-48-8-C-d
thôn Kiêm Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 43' 38"					E-48-8-C-d
thôn Lam Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 01"	105° 43' 19"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Thôn Lạn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 44"	105° 43' 40"					E-48-8-C-d
thôn Minh Thịnh	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 00"	105° 41' 23"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 53"	105° 43' 21"					E-48-8-C-d
thôn Phú Thiện	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 51"	105° 42' 29"					E-48-8-C-d
thôn Quế Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 02"	105° 43' 06"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 09"	105° 46' 49"					E-48-20-B-a
thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 50"	105° 46' 21"					E-48-20-B-a
thôn 3	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 47"	105° 46' 09"					E-48-20-B-a
thôn 4	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 49"	105° 45' 52"					E-48-20-B-a
thôn 5	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 43"	105° 45' 20"					E-48-20-B-a
thôn 6	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 13"	105° 45' 33"					E-48-8-D-c
thôn 7	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 23"	105° 45' 06"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 34"	105° 44' 39"					E-48-20-A-b
thôn 9	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 13"	105° 45' 50"					E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
Núi Bằng	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 27"	105° 45' 10"					E-48-20-B-a
Núi Các	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
Núi Con	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 44"	105° 44' 45"					E-48-8-C-d
suối Đồng Thùng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 37"	105° 45' 28"	19° 29' 42"	105° 45' 43"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
Suối Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 26' 19"	105° 42' 11"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	E-48-20-A-b
sông Hao Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
Khe Luồng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 28' 29"	105° 41' 35"	19° 28' 12"	105° 43' 05"	E-48-20-A-b
Kênh Nam	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a, E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Sắn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
Núi Trạn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 38"	105° 45' 06"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 48"	105° 48' 07"					E-48-8-D-c
thôn 2	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 32"	105° 48' 01"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 40"	105° 47' 32"					E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 26"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 52"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Đoan Hùng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 57"	105° 46' 35"					E-48-20-B-a
Hòn Đót	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 11"	105° 55' 49"					E-48-20-B-d
cửa Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Liên Đình	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 26"	105° 46' 50"					E-48-20-B-a
thôn Liên Hưng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 21"	105° 46' 56"					E-48-20-B-a
thôn Liên Thịnh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 20"	105° 47' 00"					E-48-20-B-a
Đảo Mê	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 22' 22"	105° 55' 26"					E-48-20-B-d
Hòn Miễu	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 20' 44"	105° 53' 59"					E-48-20-B-d
thôn Nam Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 54"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
thôn Tân Vinh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 51"	105° 46' 47"					E-48-20-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
Hòn Vàng	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 30"	105° 52' 18"					E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn Bắc Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 41"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
Cầu Ghép	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 47"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
thôn Hòa Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 07"	105° 47' 52"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Liên Hải	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 57"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn Liên Thành	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 18"	105° 47' 58"					E-48-8-D-c
thôn Nam Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 31"	105° 47' 46"					E-48-8-D-c
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 40"	105° 47' 56"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 56"	105° 47' 34"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Đông	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 37"	105° 48' 09"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Trung	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 52"	105° 47' 59"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
thôn Yên Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 36' 14"	105° 48' 08"					E-48-8-D-c
núi Bằng Me	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 45' 48"					E-48-20-B-c
núi Bằng Nen	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 17' 49"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c
thôn Hà Bắc	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 13"	105° 48' 11"					E-48-20-B-c
thôn Hà Đông	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 20"	105° 48' 25"					E-48-20-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hà Nam	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 48' 14"					E-48-20-B-c
thôn Hà Phú	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 34"	105° 48' 33"					E-48-20-B-c
thôn Hà Tân	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 03"	105° 48' 14"					E-48-20-B-c
thôn Hà Tây	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 41"	105° 48' 16"					E-48-20-B-c
thôn Hà Thành	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 25"	105° 48' 34"					E-48-20-B-c
thôn Hà Trung	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 21"	105° 48' 10"					E-48-20-B-c
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
núi Răng Cưa	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 11"	105° 47' 54"					E-48-20-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
Núi Chay	SV	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"					E-48-20-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 27' 10"	105° 48' 10"					E-48-20-B-a
thôn Giang Sơn	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 26' 42"	105° 48' 19"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
thôn Nhân Hưng	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 26' 55"	105° 47' 48"					E-48-20-B-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 27' 18"	105° 47' 19"					E-48-20-B-a
thôn Trung Chính	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 27' 23"	105° 46' 54"					E-48-20-B-a
thôn Vinh Tiến	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 26' 43"	105° 47' 18"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Hòa	DC	xã Hải Hòa	H. Tĩnh Gia	19° 27' 31"	105° 47' 19"					E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 2	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 59"	105° 47' 38"					E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 43"					E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 25"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
thôn 6	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 19"					E-48-8-D-c
thôn 7	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 09"	105° 47' 36"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 54"	105° 47' 05"					E-48-8-D-c
thôn 9	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 00"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
thôn 10	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 48"	105° 47' 42"					E-48-20-B-a
thôn 11	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 41"	105° 47' 38"					E-48-20-B-a
thôn 12	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 30"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
Núi Đông	SV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 15"	105° 46' 48"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
hồ Ao Quan	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 06"	105° 44' 46"					E-48-20-A-b
thôn Bắc Hải	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 34"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 22"	105° 45' 45"					E-48-20-B-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 29"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
thôn Khánh Vân	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 24"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Kênh Nam	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
thôn Nhân Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 04"	105° 45' 07"					E-48-20-B-a
Núi Sắn	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
thôn Sơn Hậu	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 03"	105° 44' 23"					E-48-20-A-b
thôn Thượng Bắc	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 52"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
thôn Thượng Nam	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 40"	105° 46' 51"					E-48-20-B-a
Núi Trạn	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 38"	105° 45' 06"					E-48-20-A-b
thôn Văn Nhân	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 02"	105° 45' 59"					E-48-20-B-a
ga Văn Trai	KX	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 33"	105° 45' 42"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 28"	105° 44' 43"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn Bắc Thành	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 54"	105° 48' 23"					E-48-8-D-c
xóm Cồn Vàng	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 31"	105° 47' 19"					E-48-8-D-c
thôn Đồng Minh	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 16"	105° 48' 09"					E-48-8-D-c
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 53"	105° 48' 00"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 26"	105° 47' 37"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
cửa Lạch Ghép	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 32"	105° 48' 36"					E-48-8-D-c
thôn Nam Thành	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 35"	105° 48' 25"					E-48-8-D-c
thôn Nam Tiến	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 41"	105° 48' 11"					E-48-8-D-c
thôn Nhân Hưng	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 31"	105° 47' 57"					E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thanh Bình	DC	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia	19° 34' 05"	105° 48' 25"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Hải Ninh	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
Mũi Bạng	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 32"	105° 48' 37"					E-48-20-B-a
núi Do Xuyên	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 26"	105° 47' 20"					E-48-20-B-a
Đồn Biên phòng Hải Thanh	KX	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 56"	105° 48' 05"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
cửa Lạch Bạng	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 47' 06"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Quang Minh	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 25"	105° 47' 33"					E-48-20-B-a
Mũi Rồng	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 18"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đình	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 40"	105° 47' 03"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 00"	105° 47' 25"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Nam	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 24' 22"	105° 47' 11"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Xuyên	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 09"	105° 47' 27"					E-48-20-B-a
Núi Thổi	SV	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 45"	105° 48' 35"					E-48-20-B-a
thôn Thượng Hải	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 52"	105° 47' 49"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Hải Thanh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 15"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 29"	105° 47' 46"					E-48-20-B-c
núi Bằng Me	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 45' 48"					E-48-20-B-c
Núi Cam	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
thôn Cao Bắc	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 02"	105° 48' 15"					E-48-20-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cao Nam	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 55"	105° 48' 19"					E-48-20-B-c
núi Chuột Chù	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 33"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c
Núi Đòn	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 31"	105° 46' 35"					E-48-20-B-c
thôn Liên Đình	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 43"	105° 47' 56"					E-48-20-B-c
thôn Liên Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 06"	105° 48' 03"					E-48-20-B-c
thôn Liên Sơn	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 46' 03"					E-48-20-B-c
thôn Liên Trung	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 41"	105° 48' 07"					E-48-20-B-c
thôn Nam Hải	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 29"	105° 48' 19"					E-48-20-B-c
Nhà máy Xi măng Nghi Sơn	KX	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 20' 03"	105° 47' 11"					E-48-20-B-c
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 46"	105° 48' 26"					E-48-20-B-c
Núi Xước	SV	xã Hải Thượng	H. Tĩnh Gia	19° 19' 28"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
thôn Bắc Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 22' 06"	105° 46' 46"					E-48-20-B-c
Núi Cam	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
núi Chuột Chù	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 33"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c
Núi Đòn	SV	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 31"	105° 46' 35"					E-48-20-B-c
thôn Đông Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 30"	105° 46' 55"					E-48-20-B-c
thôn Nam Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 28"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c
Đồn công an Cửa khẩu cảng Nghi Sơn	KX	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 20' 58"	105° 47' 31"					E-48-20-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Trung Hậu	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 40"	105° 46' 54"					E-48-20-B-c
thôn Trung Yến	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 41"	105° 46' 42"					E-48-20-B-c
thôn Văn Yên	DC	xã Hải Yến	H. Tĩnh Gia	19° 21' 53"	105° 46' 45"					E-48-20-B-c
đường tỉnh 512	KX	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
Núi Các	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 07"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
thôn Cầu Đông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 44' 35"					E-48-8-C-d
Núi Con	SV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 44"	105° 44' 45"					E-48-8-C-d
Thôn Đông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 21"	105° 44' 42"					E-48-8-C-d
suối Đồng Thùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 37"	105° 45' 28"	19° 29' 42"	105° 45' 43"	E-48-8-D-c
sông Hao Hao	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 53"	105° 45' 13"					E-48-8-D-c
Kênh Nam	TV	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-8-C-d
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 13"	105° 44' 39"					E-48-8-C-d
Thôn Song	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 19"	105° 44' 01"					E-48-8-C-d
Thôn Thái	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 55"	105° 44' 24"					E-48-8-C-d
thôn Thượng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 44' 56"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn Bản Cát	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 58"	105° 45' 30"					E-48-20-B-c
Núi Cốc	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 42"	105° 45' 32"					E-48-20-B-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 08"	105° 45' 32"					E-48-20-B-c
thôn Hải Lâm	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 48"	105° 43' 53"					E-48-20-A-d
Cầu Hổ	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 29"	105° 43' 25"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Đạo	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 26"	105° 44' 53"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Đức	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 14"	105° 44' 51"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Nam	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 01"	105° 44' 02"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Nhân	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 44"	105° 44' 39"					E-48-20-A-d
thôn Hữu Tài	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 25"	105° 44' 17"					E-48-20-A-d
sông Lạch Bạng	TV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-A-b, E-48-20-B-a, E-48-20-A-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-B-c
thôn Sơn Phú	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 24"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c
thôn Tân Thành	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 54"	105° 45' 00"					E-48-20-B-c
sông Thạch Luyện	TV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
thôn Tháp Sơn	DC	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 37"	105° 45' 28"					E-48-20-B-a
Núi Thung	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 44' 01"					E-48-20-A-d
Núi Tràn	SV	xã Mai Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 21' 45"	105° 44' 17"					E-48-20-A-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 32"	105° 49' 16"					E-48-20-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đảo Biện Sơn	TV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 19' 26"	105° 49' 10"					E-48-20-B-c
thôn Nam Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 10"	105° 49' 21"					E-48-20-B-c
núi Nghi Sơn	SV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 18' 43"	105° 49' 23"					E-48-20-B-c
núi Ngọc Sơn	SV	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 19' 50"	105° 49' 02"					E-48-20-B-c
cảng Nước Sâu	KX	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 18' 22"	105° 49' 14"					E-48-20-B-c
thôn Thanh Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 18"	105° 49' 17"					E-48-20-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Nghi Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 20' 23"	105° 49' 24"					E-48-20-B-c
thôn 8	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 28"	105° 46' 43"					E-48-8-D-c
thôn 9	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 13"	105° 46' 36"					E-48-8-D-c
thôn 10	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 41"	105° 46' 34"					E-48-8-D-c
thôn 11	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 37"	105° 46' 11"					E-48-8-D-c
thôn 12	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 30"	105° 46' 01"					E-48-8-D-c
thôn 13	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 33' 22"	105° 46' 08"					E-48-8-D-c
thôn 14	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 57'	105° 46' 2'					E-48-8-D-c
thôn 15	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 45"	105° 45' 48"					E-48-8-D-c
thôn 16	DC	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 32' 35"	105° 45' 59"					E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Ngọc Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 21	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 12"	105° 44' 07"					E-48-20-A-b
xóm 22	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 50"	105° 44' 20"					E-48-20-A-b
Núi Các	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
thôn Cao Thắng 1	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 52"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 2	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 48"	105° 46' 17"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 3	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 00"	105° 46' 44"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 4	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 57"	105° 46' 18"					E-48-20-B-a
thôn Cao Thắng 5	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 13"	105° 46' 25"					E-48-20-B-a
thôn Đào Duy Từ	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 29"	105° 46' 22"					E-48-20-B-a
Suối Hao	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 26' 19"	105° 42' 11"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b
Khe Luồng	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 28' 29"	105° 41' 35"	19° 28' 12"	105° 43' 05"	E-48-20-A-b
Khe Mữu	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 09"	105° 43' 37"					E-48-20-A-b
Kênh Nam	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
Núi Năng	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 19"	105° 44' 40"					E-48-20-A-b
thôn Phú Quang	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 22"	105° 44' 03"					E-48-20-A-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 40"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a
Núi Sắn	SV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
thôn Sơn Thắng	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 07"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a
hồ Suối Chan	TV	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 26"	105° 43' 52"					E-48-20-A-b
thôn Tào Trung	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 27' 09"	105° 44' 44"					E-48-20-A-b
thôn Thành Công	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 37"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Vạn Thắng 6	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 32"	105° 46' 16"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 7	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 48"	105° 46' 19"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 8	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 44"	105° 46' 07"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Thắng 9	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 47"	105° 45' 51"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Nguyên	DC	xã Nguyên Bình	H. Tĩnh Gia	19° 26' 10"	105° 44' 36"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
thôn Đại Tiến	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 35"	105° 48' 01"					E-48-20-B-a
thôn Đức Thành	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 27' 58"	105° 47' 28"					E-48-20-B-a
Cầu Hang	KX	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 07"	105° 47' 32"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-8-C-d
thôn Quang Trung	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 16"	105° 47' 55"					E-48-20-B-a
thôn Sơn Hải	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 54"	105° 47' 57"					E-48-20-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 27' 54"	105° 48' 03"					E-48-20-B-a
thôn Văn Sơn	DC	xã Ninh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 23"	105° 47' 29"					E-48-20-B-a
thôn 1	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 19"	105° 42' 31"					E-48-20-A-b
thôn 2	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 47"	105° 43' 25"					E-48-20-A-b
thôn 3	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 38"	105° 42' 28"					E-48-20-A-b
thôn 4	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 21"	105° 42' 02"					E-48-20-A-b
thôn 5	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 58"	105° 41' 30"					E-48-20-A-b
thôn 6	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 54"	105° 41' 11"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 33"	105° 40' 51"					E-48-20-A-b
thôn 8	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 31"	105° 41' 05"					E-48-20-A-b
thôn 9	DC	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 06"	105° 41' 32"					E-48-20-A-b
khe Đá Mài	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 31"	105° 39' 22"	19° 24' 22"	105° 40' 41"	E-48-20-A-b
Suối Khổng	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b
núi Lốc Ê	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 27"	105° 38' 34"					E-48-20-A-b
hồ Nam Sơn	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 11"	105° 39' 40"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 19' 31"	105° 48' 03"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
núi Thù Đà	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 08"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
núi Thung Lim	SV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
hồ Thung Sâu	TV	xã Phú Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 14"	105° 41' 13"					E-48-20-A-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 42"	105° 40' 37"					E-48-20-A-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 27' 56"	105° 39' 19"					E-48-20-A-b
núi Bù Lù	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 27' 58"	105° 39' 05"					E-48-20-A-b
Núi Các	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b
Khe Đá	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 25' 50"	105° 42' 11"	19° 26' 18"	105° 40' 48"	E-48-20-A-b
thôn Đông Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 00"	105° 41' 06"					E-48-20-A-b
suối Hòn Chuối	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 25' 35"	105° 39' 11"	19° 27' 18"	105° 38' 38"	E-48-20-A-b
núi Hòn Lả	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 26"	105° 40' 14"					E-48-20-A-b
núi Lâm Động	SV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 40"	105° 42' 20"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Nam Sơn	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 11"	105° 39' 40"					E-48-20-A-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 14"	105° 40' 16"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
thôn Tây Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 26' 17"	105° 39' 29"					E-48-20-A-b
thôn Trung Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 25' 56"	105° 40' 14"					E-48-20-A-b
hồ Yên Mỹ	TV	xã Phú Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Đông	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 32' 13"	105° 48' 03"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Nam	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 32' 01"	105° 48' 01"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Thịnh	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 27"	105° 47' 45"					E-48-8-D-c
thôn Hồ Trung	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 37"	105° 47' 58"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 10"	105° 46' 34"					E-48-8-D-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 37"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Minh	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 49"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Dân	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 47' 30"					E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 40"	105° 42' 03"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 31"	105° 42' 35"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 42"	105° 42' 36"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 54"	105° 41' 47"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 03"	105° 41' 18"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 03"	105° 40' 41"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 37"	105° 40' 49"					E-48-20-A-b
thôn 10	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 31"	105° 41' 26"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 46"	105° 41' 33"					E-48-20-A-b
thôn 12	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 48"	105° 42' 17"					E-48-20-A-d
thôn 13	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 34"	105° 40' 46"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 20' 30"	105° 39' 56"					E-48-20-A-d
thôn Đồng Lách	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 33"	105° 38' 00"					E-48-20-A-b
núi Eo Thắng	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 56"	105° 42' 19"					E-48-20-A-b
núi Hang Dơi	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 19"	105° 40' 16"					E-48-20-A-d
Cầu Hổ	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 29"	105° 43' 25"					E-48-20-A-d
hồ Khe Tuần	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 42"	105° 40' 05"					E-48-20-A-b
Suối Khổng	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
hồ Kim Giao 1	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 57"	105° 39' 04"					E-48-20-A-b
hồ Kim Giao 2	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 53"	105° 39' 32"					E-48-20-A-d
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Tam Sơn	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 22' 45"	105° 39' 42"					E-48-20-A-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 18"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Thạch Luyện	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
núi Thung Trưởn	SV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia	19° 21' 15"	105° 39' 05"					E-48-20-A-d
sông Tuần Cung	TV	xã Tân Trường	H. Tĩnh Gia			19° 22' 45"	105° 40' 23"	19° 22' 02"	105° 43' 44"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
kênh Bòng Bòng	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
thôn Đông Thành	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 47"	105° 45' 50"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
Núi Nga	SV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 39"	105° 44' 32"					E-48-8-C-d
thôn Phúc Lý	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 52"	105° 46' 05"					E-48-8-D-c
thôn Phượng Áng	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 48"	105° 44' 56"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Hạ	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 45"	105° 45' 06"					E-48-8-C-d
thôn Sơn Thượng	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 46"	105° 45' 17"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 15"	105° 46' 20"					E-48-8-D-c
thôn Thanh Châu	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 36"	105° 46' 09"					E-48-8-D-c
sông Thị Long	TV	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 56"	105° 45' 27"					E-48-8-D-c
thôn Trung Thành	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 28"	105° 46' 01"					E-48-8-D-c
thôn Văn Phúc	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 04"	105° 45' 45"					E-48-8-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 34' 57"	105° 45' 17"					E-48-8-D-c
kênh Bòng Bòng	TV	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-D-c
thôn Đồng Minh	DC	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia	19° 35' 26"	105° 45' 51"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Nhật Tân	DC	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia	19° 34' 54"	105° 46' 02"					E-48-8-D-c
thôn Phượng Cát	DC	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia	19° 35' 06"	105° 46' 02"					E-48-8-D-c
thôn Tào Sơn	DC	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia	19° 35' 03"	105° 45' 39"					E-48-8-D-c
sông Thị Long	TV	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-D-c, E-48-8-C-d
Sông Yên	TV	xã Thanh Thủy	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
Núi Cam	SV	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 20' 38"	105° 45' 41"					E-48-20-B-c
sông Lạch Bạng	TV	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Liên Vinh	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 23' 14"	105° 46' 33"					E-48-20-B-a
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-B-c
thôn Thắng Hải	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 22' 53"	105° 46' 41"					E-48-20-B-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Tĩnh Hải	H. Tĩnh Gia	19° 22' 10"	105° 46' 29"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 29"	105° 47' 11"					E-48-8-D-c
thôn Đông Lân	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 34' 22"	105° 47' 01"					E-48-8-D-c
thôn Hồng Phong	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 44"	105° 47' 15"					E-48-8-D-c
thôn Hưng Nghiệp	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 34"	105° 46' 59"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Thanh Cao	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 34' 09"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Triêu Dương	H. Tĩnh Gia	19° 33' 19"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-b, E-48-20-B-a
thôn Đại Thủy	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 43"	105° 44' 16"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Giảng Tín	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 53"	105° 45' 14"					E-48-20-B-a
thôn Hữu Lộc	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 52"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b
hồ Khe Sanh	TV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 43"	105° 43' 44"					E-48-20-A-b
núi Khoa Trường	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 08"	105° 43' 33"					E-48-20-A-b
sông Lạch Bạng	TV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a, E-48-20-A-b
thôn Lan Trà	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 09"	105° 44' 59"					E-48-20-B-a
thôn Sơn Trà	DC	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 26"	105° 44' 10"					E-48-20-A-b
núi Thù Đà	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 08"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
núi Thung Lim	SV	xã Trúc Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d
thôn Bình Minh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 13"	105° 41' 54"					E-48-20-A-d
núi Đá Đen	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 35"	105° 40' 36"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 30"	105° 39' 56"					E-48-20-A-d
Núi Gửi	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 54"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d
thôn Hòa Lâm	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 40"	105° 43' 19"					E-48-20-A-d
đập Khe Nhồi	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 18"	105° 41' 51"					E-48-20-A-d
Cầu Lau	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 38"	105° 43' 13"					E-48-20-A-d
thôn Minh Châu	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 26"	105° 42' 34"					E-48-20-A-d
thôn Minh Lâm	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 41' 08"					E-48-20-A-d
núi Mòng Gà	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 18' 21"	105° 40' 55"					E-48-20-A-d
thôn Nam Trường	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 19"	105° 43' 07"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Ninh Sơn	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 09"	105° 43' 21"					E-48-20-A-d
thôn Sơn Thủy	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 31"	105° 41' 57"					E-48-20-A-d
thôn Tân Lập	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 27"	105° 43' 16"					E-48-20-A-d
thôn Tân Thanh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 14"	105° 42' 23"					E-48-20-A-d
sông Thạch Luyện	TV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 47"	105° 43' 23"	19° 21' 29"	105° 43' 25"	E-48-20-A-d
Núi Thung	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 14"	105° 44' 01"					E-48-20-A-d
Cầu Trắng	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 18"	105° 43' 11"					E-48-20-A-d
thôn Trường An	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 23"	105° 43' 02"					E-48-20-A-d
thôn Trường Cát	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 50"	105° 42' 12"					E-48-20-A-d
ga Trường Lâm	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 00"	105° 43' 05"					E-48-20-A-d
mỏ sét Trường Lâm	KX	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 27"	105° 41' 27"					E-48-20-A-d
thôn Trường Sơn	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 02"	105° 42' 45"					E-48-20-A-d
thôn Trường Thanh	DC	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 20' 11"	105° 41' 28"					E-48-20-A-d
Núi Xước	SV	xã Trường Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 19' 28"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Bình Lâm	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 18"	105° 41' 31"					E-48-20-A-b
núi Eo Thắng	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 56"	105° 42' 19"					E-48-20-A-b
ga Khoa Trường	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 35"	105° 43' 47"					E-48-20-A-b
núi Khoa Trường	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 08"	105° 43' 33"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Khoa Trường	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 39"	105° 43' 45"					E-48-20-A-b
Suối Khổng	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 24' 10"	105° 41' 53"	19° 22' 40"	105° 42' 25"	E-48-20-A-b
sông Lạch Bạng	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
thôn Lương Điền	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 17"	105° 42' 23"					E-48-20-A-b
đường Nghi Sơn/ Bãi Trành	KX	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-b
thôn Thế Vinh	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 15"	105° 42' 32"					E-48-20-A-d
núi Thung Lim	SV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 54"	105° 42' 22"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 1	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 57"	105° 42' 39"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 2	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 22' 36"	105° 43' 08"					E-48-20-A-b
thôn Trường Sơn 3	DC	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 23' 01"	105° 42' 51"					E-48-20-A-b
sông Tuần Cung	TV	xã Tùng Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 22' 45"	105° 40' 23"	19° 22' 02"	105° 43' 44"	E-48-20-A-d, E-48-20-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Cầu Đồi	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 57"	105° 45' 28"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 1	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 35"	105° 45' 10"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 2	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 29"	105° 45' 29"					E-48-20-B-a
thôn Dự Quần 3	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 27"	105° 45' 44"					E-48-20-B-a
Cầu Dừa	KX	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 24' 42"	105° 45' 18"					E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
thôn Sa Thôn 4	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 29"	105° 44' 32"					E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Sa Thôn 5	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 30"	105° 45' 15"					E-48-20-B-a
thôn Sa Thôn 6	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 07"	105° 45' 12"					E-48-20-B-a
Thôn Thành	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 32"	105° 45' 49"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 7	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 12"	105° 46' 15"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 8	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 08"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
thôn Vạn Xuân 9	DC	xã Xuân Lâm	H. Tĩnh Gia	19° 25' 13"	105° 46' 04"					E-48-20-B-a
đường tỉnh 506	KX	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
phố Bà Triệu	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c
Phố Giắt	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 36' 17"					E-48-8-A-c
phố Lê Lợi	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 35' 46"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 23"	105° 36' 48"					E-48-8-A-c
phố Tân Phong	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 33"	105° 36' 09"					E-48-8-A-c
phố Tân Sơn	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 36' 08"					E-48-8-A-c
phố Tân Thanh	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 58"	105° 36' 24"					E-48-8-A-c
phố Tô Vĩnh Diện	DC	TT. Triệu Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 21"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã An Nông	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 05"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 59"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trình 4	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đức Long 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 36' 43"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 37"	105° 36' 47"					E-48-8-A-c
thôn Đức Long 4	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 35"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn Gia Phú	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã An Nông	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 1	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 33"	105° 36' 14"					E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 2	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 30"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
thôn Vĩnh Trù 3	DC	xã An Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 36' 22"					E-48-8-A-c
thôn Ba Bào	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 27"	105° 26' 04"					E-48-7-B-d
thôn Ba Sòng	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 27' 11"					E-48-7-B-d
thôn Bao Lâm	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 52"	105° 26' 53"					E-48-7-B-d
núi Bờ Ban	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
thôn Bồn Dồn	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 27' 32"					E-48-7-B-d
thôn Bóng Xanh	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 26' 24"					E-48-7-B-d
thôn Cây Xe	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 04"	105° 26' 42"					E-48-7-B-d
núi Cột Cờ	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 41"	105° 25' 50"					E-48-7-B-d
núi Đông Tranh	SV	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 26' 10"					E-48-7-B-d
thôn Đông Tranh	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 58"	105° 26' 19"					E-48-7-B-d
thôn Hom Chữ	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 26' 33"					E-48-7-B-d
thôn Nhà Lẫn	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 20"	105° 26' 27"					E-48-7-B-d
thôn Thoi	DC	xã Bình Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 26' 46"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 47	KX	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
thôn Ân Mọc	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 36' 22"					E-48-8-A-c
thôn Đô Trang	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 37"	105° 35' 53"					E-48-8-A-c
thôn Đô Xá	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 58"	105° 36' 11"					E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
Sông Hoàng	TV	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn Phúc Hải	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 51' 19"	105° 36' 00"					E-48-8-A-c
thôn Thị Tứ	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 28"	105° 35' 52"					E-48-8-A-c
thôn Thiện Chính	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 35' 10"					E-48-8-A-c
thôn Tiên Mọc	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 21"	105° 36' 04"					E-48-8-A-c
thôn Xuân Tiên	DC	xã Dân Lực	H. Triệu Sơn	19° 50' 19"	105° 35' 53"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 56"	105° 39' 08"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 07"	105° 39' 33"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 23"	105° 39' 09"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 34"	105° 38' 57"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 38' 09"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 18"	105° 38' 04"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 38' 05"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 38' 19"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 42"	105° 38' 41"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 53"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 01"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 07"	105° 38' 32"					E-48-8-A-d
thôn 14	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 38' 53"					E-48-8-A-d
thôn 15	DC	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 37' 58"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
đường tỉnh 514	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
Cầu Thiều	KX	xã Dân Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 09"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 06"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 05"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 51"	105° 36' 54"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 03"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 37' 26"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 12"	105° 37' 55"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 18"	105° 37' 59"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 38' 28"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 51' 01"	105° 38' 42"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 48"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Dừa	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
Sông Hoàng	TV	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Trường Trung cấp Nông lâm nghiệp Thanh Hóa	KX	xã Dân Quyền	H. Triệu Sơn	19° 50' 24"	105° 38' 17"					E-48-8-A-d
thôn Lộc Nham	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 21"	105° 39' 50"					E-48-8-A-d
thôn Lộc Trạch 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 03"	105° 39' 22"					E-48-8-A-d
thôn Lộc Trạch 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 51"	105° 39' 25"					E-48-8-A-d
thôn Long Vân 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 04"	105° 39' 32"					E-48-8-A-d
thôn Long Vân 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 08"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
cầu Nổ Hẻn	KX	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 30"	105° 38' 58"					E-48-8-A-d
thôn Quần Nham 1	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 18"	105° 39' 00"					E-48-8-A-d
thôn Quần Nham 2	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 46' 10"	105° 39' 11"					E-48-8-A-d
thôn Thọ Lộc	DC	xã Đồng Lợi	H. Triệu Sơn	19° 45' 54"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 46' 20"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
xóm 2	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 58"	105° 41' 13"					E-48-8-A-d
xóm 3	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 45"	105° 41' 06"					E-48-8-A-d
xóm 6	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 47"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d
xóm 7	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 26"	105° 40' 41"					E-48-8-A-d
xóm 8	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 46' 02"	105° 40' 44"					E-48-8-A-d
xóm 9	DC	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn	19° 45' 41"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Hoàng	TV	xã Đồng Thắng	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
cầu B10	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 53"	105° 41' 28"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Bèo	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 25"	105° 42' 14"					E-48-8-A-d
cầu Đồng Tiến	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 40' 55"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Vinh 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 03"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Vinh 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 56"	105° 41' 25"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 14"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Đồng Xá 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 38"	105° 40' 44"					E-48-8-A-d
Cầu Gốm	KX	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 27"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn Phúc Ấm 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 49"	105° 41' 24"					E-48-8-A-d
thôn Phúc Ấm 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 41' 24"					E-48-8-A-d
thôn Thị Tứ	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 27"	105° 40' 52"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 13"	105° 40' 16"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 52"	105° 40' 26"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 31"	105° 40' 05"					E-48-8-A-d
thôn Trúc Chuẩn 4	DC	xã Đồng Tiến	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 40' 34"					E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 45"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 32' 51"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 32' 32"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 10"	105° 32' 09"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 16"	105° 31' 53"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 31"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 19"	105° 31' 36"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 54"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 30' 44"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 36"	105° 30' 33"					E-48-8-A-c
xóm 13	DC	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn	19° 48' 19"	105° 30' 53"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Hợp Lý	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 49' 07"	105° 33' 43"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 50"	105° 34' 05"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 41"	105° 33' 50"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 21"	105° 34' 19"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 25"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 20"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 04"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 47' 59"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 40"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 26"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 48' 11"	105° 35' 35"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Chín Khúc	SV	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn	19° 49' 01"	105° 33' 36"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Hợp Thắng	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn Diễn Bình	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 33' 00"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Đông	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Hòa	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 52"	105° 32' 46"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Phú	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 32' 20"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 27"	105° 32' 53"					E-48-8-A-c
thôn Diễn Trung	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 39"	105° 33' 00"					E-48-8-A-c
hồ Đồng Ngơn	TV	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 26"	105° 33' 01"					E-48-8-A-c
thôn Lai Châu	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 49"	105° 33' 37"					E-48-8-A-c
thôn Lai Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 48' 02"	105° 33' 11"					E-48-8-A-c
thôn Lai Thịnh	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 45"	105° 33' 11"					E-48-8-A-c
thôn Lai Trung	DC	xã Hợp Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 33' 22"					E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 08"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 48"	105° 32' 32"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 31"	105° 32' 28"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 32' 20"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 08"	105° 32' 17"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 04"	105° 31' 49"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 31' 27"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 8	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 28"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 48' 23"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
hồ Bùng Sa	TV	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn	19° 47' 55"	105° 31' 19"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Hợp Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 38' 24"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 08"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 00"	105° 38' 35"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 11"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 41"	105° 38' 38"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 31"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 46' 51"	105° 39' 18"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 39' 00"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 38"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 37"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 15"	105° 38' 49"					E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Khuyến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 53"	105° 36' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 45"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 36' 43"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 14"	105° 36' 40"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 49' 08"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn	19° 48' 42"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Minh Châu	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 36' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 35"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 47"	105° 36' 21"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 59"	105° 36' 27"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 52"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 34"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn	19° 49' 40"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Minh Dân	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 48' 49"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
thôn Đồng Cát	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 35"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn Hoàng Đồng	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 25"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Thôn	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 12"	105° 35' 06"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 35' 49"					E-48-8-A-c
thôn Tân Thành 4	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 51"	105° 35' 38"					E-48-8-A-c
thôn Tân Thành 5	DC	xã Minh Sơn	H. Triệu Sơn	19° 49' 56"	105° 35' 56"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 35"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 27"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 15"	105° 37' 34"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 08"	105° 37' 16"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 48' 06"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 31"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 33"	105° 37' 52"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 23"	105° 37' 55"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 24"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 14"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 06"	105° 37' 16"					E-48-8-A-c
thôn 12	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn 13	DC	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn	19° 47' 02"	105° 37' 30"					E-48-8-A-d
đường tỉnh 506	KX	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Nông Trường	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 37"	105° 37' 38"					E-48-8-A-d
xóm 2	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 26"	105° 37' 48"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 3	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 21"	105° 38' 01"					E-48-8-A-d
xóm 4	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 16"	105° 37' 57"					E-48-8-A-d
xóm 5	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 11"	105° 38' 04"					E-48-8-A-d
xóm 6	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 07"	105° 38' 06"					E-48-8-A-d
xóm 7	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 56"	105° 38' 08"					E-48-8-C-b
xóm 8	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 52"	105° 37' 59"					E-48-8-C-b
xóm 9	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 03"	105° 38' 21"					E-48-8-C-b
xóm 10	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 12"	105° 38' 22"					E-48-8-A-d
xóm 11	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 43"	105° 38' 15"					E-48-8-C-b
xóm 12	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 39"	105° 38' 05"					E-48-8-C-b
xóm 13	DC	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 44' 35"	105° 38' 12"					E-48-8-C-b
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
kênh N8	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d
cầu Nổ Hẻn	KX	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 45' 30"	105° 38' 56"					E-48-8-A-d
Núi Nưa	SV	xã Tân Ninh	H. Triệu Sơn	19° 43' 00"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a
đường tỉnh 506	KX	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Kênh Nam	TV	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-c
Núi Nưa	SV	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 44' 32"	105° 35' 28"					E-48-8-C-a
thôn Thái Bình	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 42"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c
thôn Thái Lai	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 30"	105° 37' 05"					E-48-8-A-c
thôn Thái Lâm	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 12"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn Thái Lộc	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 45' 57"	105° 37' 44"					E-48-8-A-d
thôn Thái Minh	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 26"	105° 38' 20"					E-48-8-A-d
thôn Thái Nguyên	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 47' 05"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Thái Nhân 1	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 45' 43"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Thái Nhân 2	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 45' 34"	105° 37' 23"					E-48-8-A-c
thôn Thái Phong	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 45' 51"	105° 37' 12"					E-48-8-A-c
thôn Thái Sơn	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 39"	105° 37' 37"					E-48-8-A-d
thôn Thái Yên	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 00"	105° 37' 08"					E-48-8-A-c
thôn Trung Hòa	DC	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn	19° 46' 24"	105° 37' 19"					E-48-8-A-c
Khe Vực	TV	xã Thái Hòa	H. Triệu Sơn			19° 44' 37"	105° 34' 11"	19° 45' 44"	105° 36' 40"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 21"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 59"	105° 30' 11"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 57"	105° 29' 45"					E-48-7-B-d
thôn 4	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 51"	105° 29' 50"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 48"	105° 29' 28"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 33"	105° 29' 16"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 26"	105° 29' 49"					E-48-7-B-d
thôn 8	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 33"	105° 30' 00"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 50' 14"	105° 29' 20"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 55"	105° 29' 27"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 50' 12"	105° 29' 22"					E-48-7-B-d
thôn 12	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 06"	105° 29' 23"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 43"	105° 28' 52"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 02"	105° 28' 44"					E-48-7-B-d
thôn 15	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 32"	105° 28' 23"					E-48-7-B-d
thôn 16	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 20"	105° 28' 57"					E-48-7-B-d
thôn 17	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 40"	105° 29' 10"					E-48-7-B-d
thôn 18	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 49' 29"	105° 29' 40"					E-48-7-B-d
thôn 19	DC	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 48' 35	105° 28' 8					E-48-7-B-d
Núi Cao	SV	xã Thọ Bình	H. Triệu Sơn	19° 47' 48"	105° 29' 15"					E-48-7-B-d
xóm 1	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 03"	105° 30' 49"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 32"	105° 30' 15"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 27"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 37"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 48"	105° 31' 26"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 7	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 39"	105° 31' 16"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 17"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 51' 11"	105° 30' 36"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
sông Cầu Mướng	TV	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
cầu Thọ Cường	KX	xã Thọ Cường	H. Triệu Sơn	19° 52' 07"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 49"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 53"	105° 32' 24"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 51"	105° 32' 49"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 52' 00"	105° 32' 42"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 57"	105° 33' 04"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 48"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 36"	105° 32' 56"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 27"	105° 32' 49"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 21"	105° 32' 53"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 51' 01"	105° 32' 46"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 50' 43"	105° 33' 04"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn	19° 50' 33"	105° 32' 35"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Cầu Mướng	TV	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Dân	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
xóm 1	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
xóm 2	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 31"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
xóm 3	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
xóm 4	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 44"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
xóm 5	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 40"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
xóm 6	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 22"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 51' 58"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 51' 55"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 13"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 19"	105° 31' 44"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 40"	105° 32' 13"					E-48-8-A-a
xóm 12	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
xóm 13	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 55"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
xóm 14	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 52' 54"	105° 31' 41"					E-48-8-A-a
xóm 15	DC	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn	19° 53' 07"	105° 31' 44"					E-48-8-A-a
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c, E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Ngọc	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 1	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 13"	105° 34' 41"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 08"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 58"	105° 35' 13"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 57"	105° 35' 20"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 07"	105° 35' 17"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 35' 24"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 10"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 21"	105° 35' 38"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 28"	105° 35' 28"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
xóm 3A	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 52"	105° 34' 52"					E-48-8-A-c
xóm 3B	DC	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 51' 43"	105° 35' 17"					E-48-8-A-c
Cầu Hào	KX	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-c, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Phú	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 40"	105° 29' 35"					E-48-7-B-d
thôn 2	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 29' 53"					E-48-7-B-d
thôn 3	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 15"	105° 29' 35"					E-48-7-B-d
thôn 4	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 24"	105° 29' 24"					E-48-7-B-d
thôn 5	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 51"	105° 29' 24"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 34"	105° 29' 06"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 49"	105° 28' 52"					E-48-7-B-d
thôn 8	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 26"	105° 28' 41"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 28' 19"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 38"	105° 28' 02"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 32"	105° 28' 30"					E-48-7-B-d
thôn 12	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 33"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 57"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 15"	105° 29' 10"					E-48-7-B-d
thôn 15	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 04"	105° 28' 44"					E-48-7-B-d
thôn 16	DC	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 50' 56"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
kênh C6	TV	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-7-B-d, E-48-8-A-c
hồ Ngô Công	TV	xã Thọ Sơn	H. Triệu Sơn	19° 51' 05"	105° 28' 16"					E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 31"	105° 33' 54"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 23"	105° 34' 05"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 41"	105° 34' 26"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 49"	105° 33' 58"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 49' 43"	105° 33' 36"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 10"	105° 33' 32"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 24"	105° 33' 07"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn	19° 50' 27"	105° 34' 19"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Tân	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 54"	105° 33' 22"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 25"	105° 33' 25"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 17"	105° 33' 40"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 12"	105° 33' 54"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 25"	105° 34' 16"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 24"	105° 34' 23"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 34"	105° 34' 34"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 02"	105° 34' 16"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 51' 10"	105° 34' 37"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 59"	105° 34' 44"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 55"	105° 34' 59"					E-48-8-A-c
thôn 12	DC	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Thế	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 08"	105° 30' 54"					E-48-8-A-c
thôn Bái Giang	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 59"	105° 29' 56"					E-48-7-B-d
thôn Bình Trị	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 48"	105° 31' 08"					E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
thôn Dân Tiến	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 58"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn Hoả Xa	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 47"	105° 29' 38"					E-48-7-B-d
thôn Hoàng Xa	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 49' 39"	105° 31' 26"					E-48-8-A-c
thôn Hoành Cừ	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 11"	105° 30' 15"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hữu Vy 1	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 51' 04"	105° 30' 18"					E-48-8-A-c
thôn Hữu Vy 2	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 30' 29"					E-48-8-A-c
thôn Lạc Lâm	DC	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn	19° 50' 05"	105° 30' 40"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Thọ Tiến	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 24"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 08"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 53' 13"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 45"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 38"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 48"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 36"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 24"	105° 34' 41"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Cầu Hào	KX	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Vực	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 5"	105° 38' 14"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 38' 10"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 32"	105° 38' 31"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 54"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 47' 57"	105° 39' 40"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 18"	105° 39' 40"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 10"	105° 39' 11"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 14"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn	19° 48' 24"	105° 38' 46"					E-48-8-A-d
Kênh Nam	TV	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Tiến Nông	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-d
xóm 1	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 12"	105° 32' 31"					E-48-8-A-c
xóm 2	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 09"	105° 32' 06"					E-48-8-A-c
xóm 3	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 48"	105° 32' 17"					E-48-8-A-c
xóm 4	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 51"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
xóm 5	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 04"	105° 31' 30"					E-48-8-A-c
xóm 6	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 29"	105° 31' 23"					E-48-8-A-c
xóm 7	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 46"	105° 31' 01"					E-48-8-A-c
xóm 8	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 11"	105° 31' 30"					E-48-8-A-c
xóm 9	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 45' 42"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
xóm 10	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 23"	105° 32' 10"					E-48-8-A-c
xóm 11	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 45' 53"	105° 32' 06"					E-48-8-A-c
xóm 12	DC	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 35"	105° 32' 24"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 514	KX	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-A-c
hồ Ao Lốc	TV	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 46' 18"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
Núi Xưa	SV	xã Triệu Thành	H. Triệu Sơn	19° 47' 10"	105° 30' 25"					E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 10"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 01"	105° 35' 31"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 08"	105° 35' 35"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 11"	105° 34' 48"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 37"	105° 35' 56"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 38"	105° 36' 18"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 36"	105° 36' 32"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 58"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 44"	105° 36' 40"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 47' 26"	105° 36' 36"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 45' 53"	105° 35' 10"					E-48-8-A-c
đường tỉnh 506	KX	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-c
kênh C6	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-c
hồ Hương Sơn	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 46' 26"	105° 35' 02"					E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
Núi Nưa	SV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 45' 15"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
đỉnh U Bò	SV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn	19° 44' 13"	105° 34' 19"					E-48-8-C-a
Khe Vực	TV	xã Văn Sơn	H. Triệu Sơn			19° 44' 37"	105° 34' 11"	19° 45' 44"	105° 36' 40"	E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 53"	105° 33' 00"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 56"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 42"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 43"	105° 33' 29"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 52' 51"	105° 33' 32"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 01"	105° 33' 22"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 05"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 06"	105° 33' 26"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn	19° 53' 08"	105° 33' 19"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Lộc	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 35"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 32"	105° 33' 00"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 34"	105° 33' 21"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 15"	105° 33' 25"					E-48-8-A-c
thôn 5	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 11"	105° 33' 32"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 23"	105° 33' 47"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 29"	105° 34' 01"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn	19° 52' 16"	105° 34' 23"					E-48-8-A-c
Kênh Nam	TV	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Thịnh	H. Triệu Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-c
thôn 1	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 48"	105° 31' 34"					E-48-8-A-c
thôn 2	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 42"	105° 31' 41"					E-48-8-A-c
thôn 3	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 29"	105° 31' 52"					E-48-8-A-c
thôn 4	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 39"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 50"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
thôn 6	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 50' 43"	105° 31' 52"					E-48-8-A-c
thôn 7	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 20"	105° 31' 48"					E-48-8-A-c
thôn 8	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 28"	105° 32' 10"					E-48-8-A-c
thôn 9	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 35"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
thôn 10	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 51' 37"	105° 31' 37"					E-48-8-A-c
thôn 11	DC	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn	19° 49' 55"	105° 31' 59"					E-48-8-A-c
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-c
sông Cầu Mướng	TV	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 51' 08"	105° 30' 23"	19° 50' 47"	105° 32' 30"	E-48-8-A-c
Sông Nhơm	TV	xã Xuân Thọ	H. Triệu Sơn			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-A-c
khu phố 1	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 36"	105° 20' 37"					E-48-7-B-a
khu phố 2	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 20"	105° 20' 30"					E-48-7-B-a
khu phố 3	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 26"	105° 20' 43"					E-48-7-B-a
khu phố 4	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 55"	105° 21' 05"					E-48-7-B-a
khu phố 5	DC	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 58"	105° 21' 20"					E-48-7-B-a
đường tỉnh 507	KX	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a
Đồi Chẹ	SV	TT. Thường Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 06"	105° 20' 28"					E-48-7-B-a
đồn 505	KX	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 07"	105° 00' 59"					F-48-91-C
đường tỉnh 507	KX	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	F-48-91-C
pu Bán Mua	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 58' 35"	105° 01' 12"					E-48-7-A
pu Bán Nứa	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 10"	105° 03' 07"					E-48-7-A
Bản Cạn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 06"	105° 00' 53"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Cạn	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 01' 43"	104° 59' 56"					F-48-90-D
pu Canh Cò	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 58' 24"	104° 59' 42"					E-48-6-B
Bản Chiềng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 22"	105° 01' 27"					F-48-91-C
Bản Đục	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 00' 51"	104° 57' 06"					F-48-90-D
Suối Đục	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 00' 55"	104° 58' 34"	20° 01' 00"	104° 57' 29"	F-48-90-D
Bản Dưn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 39"	105° 03' 24"					F-48-91-C
Suối Dưn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 15"	105° 03' 22"	20° 03' 25"	105° 04' 01"	F-48-91-C
Suối Hàn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 58' 14"	105° 04' 08"	19° 56' 47"	105° 04' 59"	E-48-7-A
suối Hia Hang	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 35"	104° 58' 37"	20° 03' 48"	104° 58' 26"	F-48-90-D
suối Hin Hé	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 04"	104° 58' 29"	20° 03' 46"	104° 58' 54"	F-48-90-D
Bản Hón	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 23"	105° 00' 27"					F-48-91-C
Suối Hón	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 22"	104° 58' 59"	20° 02' 54"	105° 00' 43"	F-48-90-D, F-48-91-C
pu Hón Han	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 01"	105° 05' 20"					E-48-7-A
pu Huối Sai	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Nặm Ken	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 58' 37"	104° 57' 52"	20° 01' 08"	105° 06' 22"	F-48-91-C, E-48-6-B, E-48-7-A
núi Kẻng Phạ	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 01' 09"	104° 55' 08"					F-48-90-D
Suối Kết	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 18"	105° 01' 55"	20° 02' 03"	105° 02' 35"	F-48-91-C
Bản Khẹo	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 35"	104° 57' 58"					F-48-90-D
Suối Khẹo	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 02' 34"	104° 58' 12"	20° 03' 23"	104° 57' 40"	F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Lăng Bán	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 49"	104° 58' 55"					F-48-90-D
Suối Luông	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 04' 29"	105° 00' 54"	20° 02' 54"	105° 00' 43"	F-48-90-D, F-48-91-C
Pu Mong	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 57' 15"	105° 00' 22"					E-48-7-A
suối Nậm Khèn	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 56' 47"	105° 04' 57"	19° 55' 28"	105° 08' 06"	E-48-7-A
suối Nậm Sung	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 56' 45"	105° 01' 47"	19° 56' 47"	105° 04' 57"	E-48-7-A
Pu Nhịp	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 56' 23"	105° 02' 53"					E-48-7-A
suối Pa Hốc	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 03' 50"	104° 58' 16"	20° 03' 48"	104° 58' 26"	F-48-90-D
núi Phả Cọ	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 51"	104° 58' 55"					F-48-90-D
núi Phay Mạy	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 07"	104° 59' 37"					F-48-90-D
pu Phạy Mạy	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 34"	105° 00' 18"					F-48-91-C
suối Phi Tai	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			20° 05' 34"	104° 59' 17"	20° 04' 29"	104° 59' 13"	F-48-90-D
Bản Phóng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 11"	105° 02' 55"					F-48-91-C
Bản Phống	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 00' 42"	105° 03' 05"					F-48-91-C
núi Phù Huột	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 02' 47"	104° 56' 46"					F-48-90-D
núi Pù Cu	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 04' 25"	105° 03' 09"					F-48-91-C
núi Pù Hại	SV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 05' 00"	105° 01' 31"					F-48-91-C
Bản Ruộng	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	20° 03' 59"	104° 58' 47"					F-48-90-D
suối Sạy Kày	TV	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân			19° 59' 49"	104° 56' 31"	20° 02' 13"	104° 55' 57"	F-48-90-D
Bản Vịn	DC	xã Bát Mọt	H. Trường Xuân	19° 59' 42"	104° 59' 10"					E-48-6-B
Thôn Kha	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 22"	105° 19' 28"					E-48-7-B-c
thôn An Nhân	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 39"	105° 21' 18"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Bót	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 46' 29"	105° 20' 34"	19° 47' 59"	105° 22' 48"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Buồng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 34"	105° 19' 56"					E-48-7-B-c
Pu Chè	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 50' 05"	105° 19' 41"					E-48-7-B-c
Suối Chiềng	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 50' 08"	105° 19' 22"	19° 48' 16"	105° 22' 37"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Chiềng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 16"	105° 20' 37"					E-48-7-B-c
Pu Chua	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 22' 23"					E-48-7-B-c
Sông Đằn	TV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Thôn Hún	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 15"	105° 20' 02"					E-48-7-B-c
Pu Kha	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 50' 19"	105° 18' 11"					E-48-7-B-c
Thôn Mơ	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 04"	105° 22' 06"					E-48-7-B-c
thôn Ngọc Trà	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 45' 20"	105° 21' 30"					E-48-7-B-c
Bù Ngua	SV	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 36"	105° 19' 05"					E-48-7-B-c
Thôn Nhàng	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 21' 48"					E-48-7-B-c
thôn Sông Đằn	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 09"	105° 22' 24"					E-48-7-B-c
Thôn Thắm	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 46' 27"	105° 21' 52"					E-48-7-B-c
thôn Tràng Cát	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 49' 39"	105° 21' 56"					E-48-7-B-c
thôn Yên Mỹ	DC	xã Luận Khê	H. Trường Xuân	19° 47' 00"	105° 21' 35"					E-48-7-B-c
núi Bờ Ban	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
Hón Cánh	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 49' 54"	105° 22' 32"	19° 49' 49"	105° 21' 54"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cao Tiến	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 07"	105° 23' 14"					E-48-7-B-d
Pu Chùa	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 24"	105° 24' 36"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d
thôn Liên Thành	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 23"	105° 23' 26"					E-48-7-B-d
Suối Ngòn	TV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân			19° 48' 03"	105° 25' 16"	19° 49' 14"	105° 22' 26"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c
Núi Rồng	SV	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 33"	105° 24' 14"					E-48-7-B-d
thôn Sơn Cao	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 54"	105° 24' 07"					E-48-7-B-d
thôn Sơn Minh	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 50' 06"	105° 23' 35"					E-48-7-B-d
thôn Thành Thắng	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 26' 01"					E-48-7-B-d
thôn Thiệu Hợp	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 49' 22"	105° 22' 28"					E-48-7-B-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 27"	105° 23' 38"					E-48-7-B-d
thôn Tiến Hưng 1	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 23"	105° 24' 09"					E-48-7-B-d
thôn Tiến Hưng 2	DC	xã Luận Thành	H. Trường Xuân	19° 48' 31"	105° 25' 05"					E-48-7-B-d
đường tỉnh 507	KX	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-A, E-48-7-B-a
Pu Mẹ	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
bù Bù Khoai	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 03"	105° 13' 43"					E-48-7-A
núi Bù Ran	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 24"	105° 12' 42"					F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Bù Tôn	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 45"	105° 12' 14"					F-48-91-C
Pu Cáy	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 17"	105° 15' 31"					E-48-7-B-a
đồi Cây Trám	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 21"	105° 16' 09"					E-48-7-B-a
Hón Chiêng	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 59' 46"	105° 14' 28"	19° 57' 52"	105° 14' 24"	E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A
Suối Cớn	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 58' 08"	105° 14' 53"	19° 56' 55"	105° 14' 28"	E-48-7-A, E-48-7-B-a
Pu Cui	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	20° 00' 23"	105° 10' 57"					F-48-91-C
Suối Đai	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 58' 06"	105° 12' 51"	19° 58' 45"	105° 13' 05"	E-48-7-A
Suối Đóng	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 59' 33"	105° 12' 54"	19° 58' 55"	105° 12' 54"	E-48-7-A
Hón Dường	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 00' 30	105° 15' 04"	19° 56' 50"	105° 19' 16"	E-48-7-B-a
Núi Hay	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 57"	105° 12' 50"					E-48-7-A
Sông Khao	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A
pu Khoai Lon	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 55"	105° 13' 48"					E-48-7-A
thôn Lương Thiện	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 52"	105° 17' 00"					E-48-7-B-a
thôn Lương Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 58' 59"	105° 15' 57"					E-48-7-B-a
thôn Minh Ngọc	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 09"	105° 17' 05"					E-48-7-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 56' 54"	105° 17' 13"					E-48-7-B-a
Hón Mương	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			20° 00' 18"	105° 11' 46"	19° 58' 58"	105° 12' 54"	E-48-7-A
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 58' 06"	105° 16' 29"					E-48-7-B-a
thôn Ngọc Thượng	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 59' 55"	105° 15' 13"					E-48-7-B-a
Hón Nguồn	TV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân			19° 56' 04"	105° 16' 30"	19° 57' 08"	105° 16' 59"	E-48-7-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Pha Máy	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 55' 26"	105° 16' 37"					E-48-7-B-a
pu Pha Vàng	SV	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 29"	105° 13' 19"					E-48-7-A
thôn Trung Thành	DC	xã Lương Sơn	H. Trường Xuân	19° 57' 21"	105° 16' 27"					E-48-7-B-a
đường tỉnh 507	KX	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a
Pu Mẹ	SV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
Sông Âm	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
Hón Dường	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			20° 00' 30	105° 15' 04"	19° 56' 50"	105° 19' 16"	E-48-7-B-a
thôn Hoà Lâm	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 53"	105° 20' 23"					E-48-7-B-a
thôn Hưng Long	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 53"	105° 21' 05"					E-48-7-B-a
Hón Ngơn	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			19° 54' 52"	105° 19' 05"	19° 54' 51"	105° 20' 10"	E-48-7-B-a
thôn Phú Vinh	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 54' 36"	105° 19' 51"					E-48-7-B-a
thôn Quyết Tiến	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 19"	105° 19' 10"					E-48-7-B-a
Hón Ván	TV	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân			19° 54' 51"	105° 20' 10"	19° 55' 28"	105° 20' 56"	E-48-7-B-a
thôn Xuân Lập	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 02"	105° 19' 48"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Liên	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 16"	105° 19' 59"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 55' 33"	105° 20' 17"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thành	DC	xã Ngọc Phụng	H. Trường Xuân	19° 56' 00"	105° 19' 28"					E-48-7-B-a
Suối Bót	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 46' 29"	105° 20' 34"	19° 47' 59"	105° 22' 48"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c
Pu Cánh	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 13"	105° 24' 00"					E-48-7-B-d
Pu Chua	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 22' 23"					E-48-7-B-c
Pu Chùa	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 24"	105° 24' 36"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Đằn	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-d
núi Đồng Nòng	SV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 10"	105° 24' 19"					E-48-7-D-b
Sông Đót	TV	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			19° 44' 29"	105° 18' 03"	19° 46' 27"	105° 23' 56"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-c, E-48-7-D-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Thành	H. Trường Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d, E-48-7-D-b
thôn Thành Đon	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 10"	105° 24' 04"					E-48-7-B-d
thôn Thành Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 44"	105° 23' 34"					E-48-7-B-d
thôn Thành Lai	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 06"	105° 23' 18"					E-48-7-D-b
thôn Thành Lãm	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 43"	105° 24' 25"					E-48-7-D-b
thôn Thành Lấm	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 46' 42"	105° 22' 10"					E-48-7-B-c
thôn Thành Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 38"	105° 24' 57"					E-48-7-B-d
thôn Thành Lợp	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 44' 53"	105° 22' 33"					E-48-7-D-b
thôn Thành Nàng	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 59"	105° 22' 47"					E-48-7-D-b
thôn Thành Rỏ	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 47' 01"	105° 22' 52"					E-48-7-B-d
thôn Thành Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Trường Xuân	19° 45' 01"	105° 23' 54"					E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 37"	105° 22' 09"					E-48-7-B-a
thôn 2	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 26"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a
thôn 3	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 19"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b, E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Đằn	TV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-a
thôn Đông Xuân	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 59"	105° 22' 07"					E-48-7-B-a
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 23"	105° 21' 40"					E-48-7-B-a
Núi Nồm	SV	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 07"	105° 20' 56"					E-48-7-B-c
thôn Thanh Cao	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 52' 33"	105° 21' 21"					E-48-7-B-a
thôn Thanh Long	DC	xã Thọ Thanh	H. Trường Xuân	19° 53' 05"	105° 20' 59"					E-48-7-B-a
Nặm Ạc	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 44' 10"	105° 09' 02"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-B-c, E-48-7-A
Suối Bọng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 52' 15"	105° 14' 12"	19° 53' 29"	105° 15' 30"	E-48-7-A
thôn Bù Đồn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 28"	105° 15' 31"					E-48-7-B-c
thôn Cang Khèn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 05"	105° 15' 12"					E-48-7-B-c
Hón Cánh	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 43	105° 18' 33"	19° 51' 11"	105° 16' 41"	E-48-7-B-c
Pú Cho	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 53' 47"	105° 10' 32"					E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A, E-48-7-B-a, E-48-7-B-c
thôn Công Thương	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 29"	105° 15' 48"					E-48-7-B-c
Pu Đắm	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 17' 53"					E-48-7-B-c
Sông Đặt	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 48' 53"	105° 15' 07"	19° 52' 22"	105° 16' 55"	E-48-7-B-c
Suối Hán	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 51' 56"	105° 11' 50"	19° 52' 15"	105° 14' 12"	E-48-7-A
thôn Hang Cáu	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 38"	105° 14' 38"					E-48-7-A
pu Huối Cà	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 12' 25"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pú Huột	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 52' 02"	105° 15' 29"					E-48-7-B-c
Hón Kén	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 57"	105° 15' 11"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
Pu Kha	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 19"	105° 18' 11"					E-48-7-B-c
Thôn Khằm	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 57"	105° 13' 27"					E-48-7-A
Pú Khỏng	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 54' 46"	105° 14' 27"					E-48-7-A
Núi Khu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 55' 09"	105° 12' 16"					E-48-7-A
Pu Lầu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 48' 54"	105° 14' 24"					E-48-7-A
Suối Lầy	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 51' 40"	105° 14' 06"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Nặm Lẹ	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 48' 00"	105° 11' 38"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
thôn Lùm Nưa	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 04"	105° 15' 47"					E-48-7-B-c
Sông Luộc	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c
Suối Mằng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 56"	105° 12' 26"	19° 50' 07"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Suối Men	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 55' 19"	105° 11' 31"	19° 56' 21"	105° 11' 10"	E-48-7-A
pu Mo Láo	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 21"	105° 13' 08"					E-48-7-A
thôn Ná Cộng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 29"	105° 14' 27"					E-48-7-A
thôn Ná Mén	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 18"	105° 14' 44"					E-48-7-A
hồ Ná Nhà	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 03"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Pu Nhó	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 30"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
Suối Nhồng	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 50' 08"	105° 11' 46"	19° 49' 45"	105° 13' 30"	E-48-7-A
Thôn Nhồng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 49' 54"	105° 13' 56"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Páu	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Huối Pen	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 49' 40"	105° 14' 38"	19° 49' 35"	105° 15' 36"	E-48-7-B-c, E-48-7-A
Thôn Quạn	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 22"	105° 13' 44"					E-48-7-A
Suối Sán	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 56' 16"	105° 12' 29"	19° 55' 45"	105° 13' 52"	E-48-7-A
thôn Thác Làng	DC	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 50' 40"	105° 16' 33"					E-48-7-B-c
pu Trăm Hiêng	SV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
Suối Ý	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 54' 38"	105° 13' 01"	19° 55' 22"	105° 13' 52"	E-48-7-A
Suối Yên	TV	xã Vạn Xuân	H. Trường Xuân			19° 53' 33"	105° 10' 33"	19° 55' 05"	105° 14' 10"	E-48-7-A
Pu Mẹ	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 55' 32"	105° 18' 36"					E-48-7-B-a
Pu Cáy	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 56' 17"	105° 15' 31"					E-48-7-B-a
Đồi Chẹ	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 06"	105° 20' 28"					E-48-7-B-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-A, E-48-7-B-c
Sông Khao	TV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A
pu Khoai Lon	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 56' 55"	105° 13' 48"					E-48-7-A
núi Pha Máy	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 55' 26"	105° 16' 37"					E-48-7-B-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 52' 51"	105° 18' 24"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Sơn 1	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 53' 41"	105° 18' 26"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Sơn 2	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 52' 48"	105° 17' 49"					E-48-7-B-a
Pu Tooc	SV	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 51' 57"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Trung Chính	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 14"	105° 19' 48"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Minh	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 53' 10"	105° 19' 45"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Quang	DC	xã Xuân Cẩm	H. Trường Xuân	19° 54' 00"	105° 20' 00"					E-48-7-B-a
Pu Chè	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 05"	105° 19' 41"					E-48-7-B-c
Pu Tooc	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 57"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c
Hón Cánh	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 49' 54"	105° 22' 32"	19° 49' 49"	105° 21' 54"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
Hón Cát	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 51' 11"	105° 20' 31"	19° 51' 09"	105° 20' 53"	E-48-7-B-c
Sông Chu	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-a, E-48-7-B-d
Sông Đằn	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-a
Hón Lù	TV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân			19° 50' 58"	105° 24' 11"	19° 51' 18"	105° 21' 07"	E-48-7-B-c, E-48-7-B-d
thôn Nam Cao	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 06"	105° 22' 53"					E-48-7-B-d
Núi Nồm	SV	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 07"	105° 20' 56"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 33"	105° 22' 10"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Thắng 2	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 44"	105° 21' 46"					E-48-7-B-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 38"	105° 23' 43"					E-48-7-B-d
thôn Thành Công	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 24"	105° 22' 34"					E-48-7-B-c
thôn Thành Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 51"	105° 22' 57"					E-48-7-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 13"	105° 21' 07"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Trung Thành	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 04"	105° 22' 27"					E-48-7-B-c
thôn Trung Tiến	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 33"	105° 22' 30"					E-48-7-B-b
thôn Vinh Quang	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 50' 54"	105° 21' 56"					E-48-7-B-c
thôn Xuân Minh 1	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 23"	105° 20' 08"					E-48-7-B-c
thôn Xuân Minh 2	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 52' 23"	105° 20' 05"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Xuân Cao	H. Trường Xuân	19° 51' 21"	105° 20' 36"					E-48-7-B-c
Nặm Ạc	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 43' 45"	105° 09' 07"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A, E-48-7-C
pu Cát Xa	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 44' 00"	105° 08' 46"					E-48-7-C
Thôn Chinh	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 12"	105° 13' 48"					E-48-7-A
thôn Cụt Ạc	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 24"	105° 13' 34"					E-48-7-A
Suối Giang	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 46' 22"	105° 14' 02"	19° 47' 05"	105° 13' 59"	E-48-7-A, E-48-7-B-c
Thôn Giang	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 24"	105° 15' 36"					E-48-7-B-c
Thôn Hành	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 52"	105° 15' 13"					E-48-7-B-c
Hón Háy	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 42' 55"	105° 12' 40"	19° 44' 13"	105° 12' 36"	E-48-7-C
Pu Hum	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 38"	105° 13' 37"					E-48-7-A
pu Kẻm Cộc	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 12' 36"					E-48-7-A
Hón Lè	TV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân			19° 45' 46"	105° 12' 36"	19° 47' 05"	105° 13' 59"	E-48-7-A
Pu Páu	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
pu Tèn Quang	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 16"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
Thôn Thông	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 13"	105° 14' 05"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pu Trăm Hiêng	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
thôn Tú Tạo	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 45' 58"	105° 13' 26"					E-48-7-A
Pu Vành	SV	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 49"	105° 15' 43"					E-48-7-B-c
Thôn Xeo	DC	xã Xuân Chinh	H. Trường Xuân	19° 46' 36"	105° 14' 46"					E-48-7-A
đường tỉnh 519	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
Sông Âm	TV	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			20° 13' 16"	105° 06' 53"	19° 55' 29"	105° 22' 16"	E-48-7-B-a
cầu Bái Thượng	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 56"	105° 22' 34"					E-48-7-B-b
đập Bái Thượng	KX	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 46"	105° 22' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 50"	105° 21' 31"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 02"	105° 22' 08"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 13"	105° 22' 01"					E-48-7-B-a
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 56"	105° 21' 51"					E-48-7-B-a
thôn Tiến Long	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 53' 55"	105° 22' 26"					E-48-7-B-a
thôn Vụ Bản 1	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 38"	105° 22' 00"					E-48-7-B-a
thôn Vụ Bản 2	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 55"	105° 21' 55"					E-48-7-B-a
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Xuân Dương	H. Trường Xuân	19° 54' 37"	105° 22' 18"					E-48-7-B-a
thôn Bọng Nàng	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 51"	105° 11' 12"					E-48-7-A
thôn Bàn Tạn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 18"	105° 12' 02"					E-48-7-A
Suối Bọng	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 45' 29"	105° 08' 56"	19° 46' 56"	105° 11' 24"	E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pu Cát Xa	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 44' 00"	105° 08' 46"					E-48-7-C
Bù Chè	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 42"	105° 14' 06"					E-48-7-A
Làng Chẻ	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 16"	105° 13' 12"					E-48-7-A
Bù Cọc	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 02"	105° 12' 04"					E-48-7-A
thôn Cộc Chẻ	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 17"	105° 12' 47"					E-48-7-A
Thôn Dài	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 32"	105° 13' 34"					E-48-7-A
Suối Đuông	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 47' 34"	105° 09' 07"	19° 47' 51"	105° 12' 15"	E-48-7-A
thôn Đuông Bai	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 56"	105° 09' 59"					E-48-7-A
Bù Gió	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 54"	105° 08' 57"					E-48-7-A
Bù Hầm	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 08"	105° 07' 34"					E-48-7-A
bù Hón Ná Ca	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 50' 14"	105° 08' 38"					E-48-7-A
Pu Hum	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 38"	105° 13' 37"					E-48-7-A
pu Huối Cà	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 12' 25"					E-48-7-A
pu Kẻm Cộc	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 46' 40"	105° 12' 36"					E-48-7-A
Suối Láu	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 50' 01"	105° 11' 31"	19° 49' 02"	105° 11' 20"	E-48-7-A
Pu Lầu	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 54"	105° 14' 24"					E-48-7-A
Nặm Lẹ	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 48' 00"	105° 11' 38"	19° 48' 53"	105° 15' 07"	E-48-7-A
thôn Lẹ Tà	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 53"	105° 11' 57"					E-48-7-A
thôn Liên Sơn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 33"	105° 11' 31"					E-48-7-A
pu Mo Láo	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 49' 21"	105° 13' 08"					E-48-7-A
suối Mủ Lóng	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 47' 31"	105° 08' 31"	19° 47' 34"	105° 09' 07"	E-48-7-A
suối Na Ca	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 50' 20"	105° 08' 46"	19° 48' 00"	105° 11' 38"	E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Páu	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 09"	105° 14' 38"					E-48-7-A
Suối Pụn	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 45' 46"	105° 11' 31"	19° 46' 46"	105° 11' 49"	E-48-7-A
Suối Soi	TV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân			19° 48' 38"	105° 09' 18"	19° 48' 47"	105° 11' 10"	E-48-7-A
bù Ta Leo	SV	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 50' 52"	105° 10' 44"					E-48-7-A
thôn Xuân Ngù	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 47' 43"	105° 12' 27"					E-48-7-A
thôn Xuân Sơn	DC	xã Xuân Lẹ	H. Trường Xuân	19° 48' 40"	105° 11' 15"					E-48-7-A
Làng Bà	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 03"	105° 17' 06"					E-48-7-B-c
Suối Bống	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 48' 26"	105° 18' 22"	19° 47' 43"	105° 17' 20"	E-48-7-B-c
Suối Cánh	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 49' 13"	105° 17' 31"	19° 49' 16"	105° 16' 34"	E-48-7-B-c
Thôn Chiềng	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 06"	105° 17' 20"					E-48-7-B-c
Thôn Cộc	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 45"	105° 17' 41"					E-48-7-B-c
Làng Đai	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 11"	105° 17' 37"					E-48-7-B-c
Pu Đắm	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 49' 24"	105° 17' 53"					E-48-7-B-c
Suối Đắn	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 47' 36"	105° 18' 32"	19° 47' 42"	105° 17' 35"	E-48-7-B-c
làng Đắn Dưới	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 46"	105° 17' 35"					E-48-7-B-c
làng Đắn Trên	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 29"	105° 17' 42"					E-48-7-B-c
Làng Đao	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 58"	105° 17' 10"					E-48-7-B-c
Sông Luộc	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c
làng Luộc Hè	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 37"	105° 17' 09"					E-48-7-B-c
Làng Lũy	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 48' 51"	105° 16' 27"					E-48-7-B-c
làng Ná Pả	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 00"	105° 17' 45"					E-48-7-B-c
Làng Nạt	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 44"	105° 17' 13"					E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bù Ngua	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 36"	105° 19' 05"					E-48-7-B-c
Pu Nhó	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 49' 30"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
thôn Pà Cầu	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 32"	105° 17' 21"					E-48-7-B-c
Thôn Quẻ	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 08"	105° 16' 29"					E-48-7-B-c
làng Quẻ Lớn	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 27"	105° 16' 06"					E-48-7-B-c
Làng Tàu	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 46"	105° 16' 54"					E-48-7-B-c
pu Tèn Quang	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 16"	105° 16' 16"					E-48-7-B-c
pu Trăm Hiêng	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 37"	105° 16' 05"					E-48-7-B-c
Pu Vành	SV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 49"	105° 15' 43"					E-48-7-B-c
Suối Vành	TV	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân			19° 47' 06"	105° 15' 54"	19° 46' 36"	105° 17' 02"	E-48-7-B-c
Thôn Vành	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 46' 35"	105° 16' 38"					E-48-7-B-c
làng Vực Màng	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 48' 02"	105° 17' 04"					E-48-7-B-c
làng Xã Mường	DC	xã Xuân Lộc	H. Trường Xuân	19° 47' 14"	105° 16' 59"					E-48-7-B-c
thôn Tân Thọ	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 45' 16"	105° 19' 03"					E-48-7-B-c
Thôn Dín	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 05"	105° 19' 45"					E-48-7-D-a
Làng Đót	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 53"	105° 21' 44"					E-48-7-D-a
Sông Đót	TV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân			19° 44' 29"	105° 18' 03"	19° 46' 27"	105° 23' 56"	E-48-7-D-a
Thôn Đót	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 38"	105° 20' 34"					E-48-7-D-a
Thôn Én	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 10"	105° 18' 41"					E-48-7-D-a
núi Hắm Hiểng	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 08"	105° 20' 35"					E-48-7-D-a
Làng Khem	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 20"	105° 21' 38"					E-48-7-D-a
Sông Luộc	TV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân			19° 44' 57"	105° 20' 09"	19° 49' 58"	105° 16' 08"	E-48-7-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Hòn Na	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 45' 19"	105° 18' 47"					E-48-7-B-c
Pú Soong	SV	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 31"	105° 21' 25"					E-48-7-D-a
thôn Tân Thắng	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 36"	105° 19' 42"					E-48-7-D-a
Thôn Tú	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 46' 07"	105° 18' 32"					E-48-7-B-c
Thôn Xem	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 43' 05"	105° 21' 24"					E-48-7-D-a
Thôn Xương	DC	xã Xuân Thắng	H. Trường Xuân	19° 44' 47"	105° 18' 50"					E-48-7-D-a
đường tỉnh 507	KX	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	F-48-91-C, E-48-7-A
Pu Bun	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 04' 02"	105° 09' 04"					F-48-91-C
Suối Bưn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 13"	105° 08' 06"	19° 56' 14"	105° 10' 08"	E-48-7-A
Thôn Chiềng	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 59"	105° 07' 13"					E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-A
Suối Con	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 57' 42"	105° 10' 16"	19° 56' 32"	105° 10' 41"	E-48-7-A
Pu Cui	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 23"	105° 10' 57"					F-48-91-C
Pu Đôn	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 57' 50"	105° 07' 48"					E-48-7-A
Suối Giăng	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 29"	105° 10' 05"	19° 57' 11"	105° 11' 49"	E-48-7-A
Pu Ginh	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 03' 23"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Pu Han	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 54"	105° 09' 50"					F-48-91-C
Suối Hàn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 14"	105° 04' 08"	19° 56' 47"	105° 04' 59"	E-48-7-A
Pu Hao	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 50"	105° 06' 27"					F-48-91-C
Pu Hon	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 40"	105° 10' 37"					F-48-91-C
pu Hón Han	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 59' 01"	105° 05' 20"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pu Hón Hăn	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 58' 59"	105° 08' 31"					E-48-7-A
pu Huối Cọ	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 05' 22"	105° 04' 48"					F-48-91-C
pu Huối Sai	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 04' 45"	105° 04' 34"					F-48-91-C
Nặm Ken	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 23"	104° 59' 31"	20° 01' 08"	105° 06' 22"	F-48-91-C
Sông Khao	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 01' 08"	105° 06' 22"	19° 55' 11"	105° 14' 41"	E-48-7-A, F-48-91-C
Thôn Khong	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 53"	105° 06' 09"					F-48-91-C
Pu Lầu	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	19° 57' 50"	105° 10' 08"					E-48-7-A
Thôn Lửa	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 00' 47"	105° 07' 59"					F-48-91-C
Thôn Mỏ	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 01' 34"	105° 08' 11"					F-48-91-C
Hón Mương	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			20° 00' 18"	105° 11' 46"	19° 58' 58"	105° 12' 54"	E-48-7-A
Thôn My	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 03' 57"	105° 07' 29"					F-48-91-C
thôn Na Nghịu	DC	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 02' 20"	105° 06' 48"					F-48-91-C
suối Nậm Khèn	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 56' 47"	105° 04' 57"	19° 55' 28"	105° 08' 06"	E-48-7-A
Suối Nàng	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 58' 42"	105° 10' 16"	19° 58' 46"	105° 11' 10"	E-48-7-A
Suối Nâu	TV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân			19° 59' 27"	105° 11' 13"	19° 58' 46"	105° 11' 24"	E-48-7-A
pu Phạ Mựt	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 06' 49"	105° 07' 36"					F-48-91-C
pu Pha Vàng	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 06' 27"	105° 06' 43"					F-48-91-C
Pu Rinh	SV	xã Yên Nhân	H. Trường Xuân	20° 07' 16"	105° 07' 37"					F-48-91-C
khu phố 1	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 51"	105° 36' 43"					F-48-92-C-c
khu phố 2	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 54"	105° 37' 01"					F-48-92-C-c
khu phố 3	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 45	KX	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Núi Đún	SV	TT. Vĩnh Lộc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 01"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 48"	105° 43' 36"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	105° 43' 42"	105° 43' 42"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 37"	105° 43' 43"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 36"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 13"	105° 44' 31"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 56"	105° 44' 52"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 42"	105° 45' 25"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 26"	105° 44' 20"					E-48-8-A-b
núi Ác Sơn	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 58' 57"	105° 45' 29"					E-48-8-B-a
Đò Bông	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 57' 37"	105° 45' 18"					E-48-8-B-a
Hón Bông	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc			19° 58' 15"	105° 45' 46"	19° 57' 35"	105° 45' 32"	E-48-8-B-a
núi Eo Cò	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
núi Thung Vình	SV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 35"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
thôn Bỗng Phồn	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 42"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Cầu	SV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 09"	105° 39' 36"					F-48-92-C-d
Núi Cồm	SV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 15"	105° 38' 42"					F-48-92-C-d
Cầu Công	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
thôn Giang Đông	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 04"	105° 39' 18"					F-48-92-C-d
thôn Hữu Chấp	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 38' 40"					F-48-92-C-d
thôn Lợi Chấp 1	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 52"	105° 37' 41"					F-48-92-C-d
thôn Lợi Chấp 2	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 46"	105° 37' 42"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d
thôn Nghĩa Kỳ 1	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 56"	105° 38' 34"					F-48-92-C-d
thôn Nghĩa Kỳ 2	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 58"	105° 38' 44"					F-48-92-C-d
thôn Nhật Quang	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 22"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
thôn Pháp Ngỡ	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 59"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
đò Quang Biểu	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 57"	105° 38' 24"					F-48-92-C-d
thôn Quang Biểu 1	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 08"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
thôn Quang Biểu 2	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 38' 16"					F-48-92-C-d
cầu Vĩnh Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 33"	105° 39' 22"					F-48-92-C-d
Đò Xét	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
Núi Báo	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 41"	105° 41' 28"					F-48-92-C-d
làng Bồng Thượng	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 25"	105° 42' 04"					F-48-92-C-d
núi Chổng Nuôn	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 40"	105° 40' 12"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Đá Dựng	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 13"	105° 41' 47"					F-48-92-C-d
cầu Đồng Mực	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 13"	105° 40' 08"					F-48-92-C-d
hồ Đồng Mực	TV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 38"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Mực	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 59"	105° 40' 11"					F-48-92-C-d
núi Gành Xay	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 05"	105° 40' 59"					F-48-92-C-d
Đò Hoành	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 28"	105° 41' 10"					F-48-92-C-d
Núi Lãng	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 41' 02"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
núi Mông Cù	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 1	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 58"	105° 40' 56"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 2	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 00"	105° 40' 44"					F-48-92-C-d
thôn Sóc Sơn 3	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 37"	105° 40' 40"					F-48-92-C-d
Thôn Thẳng	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 22"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
Thôn Trung	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 42' 06"					F-48-92-C-d
thôn Việt Yên	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 20"	105° 41' 23"					F-48-92-C-d
cầu Vĩnh Hùng	KX	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 30"	105° 40' 37"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Bình	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 12"	105° 41' 42"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Đoài	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 41' 58"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Đông	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 23"	105° 42' 14"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Hát	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 22"	105° 42' 04"					F-48-92-C-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 11"	105° 41' 49"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Xóm Nam	DC	xã Vĩnh Hùng	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 09"	105° 42' 11"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 59"	105° 40' 19"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 25"	105° 40' 05"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 06"	105° 39' 50"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 51"	105° 39' 58"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 30"	105° 40' 05"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 16"	105° 39' 11"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 21"	105° 39' 00"					F-48-92-C-d
thôn 8	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 38"	105° 39' 14"					F-48-92-C-d
thôn 9	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 18"	105° 38' 38"					F-48-92-C-d
thôn 10	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 32"	105° 38' 20"					F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
hồ Hón Chè	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 00"	105° 40' 08"					F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 31"	105° 36' 54"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 29"	105° 37' 04"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 26"	105° 37' 09"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 25"	105° 37' 18"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 23"	105° 37' 25"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 20"	105° 37' 32"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 37' 25"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Núi Nang	SV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 37' 23"					F-48-92-C-c
Núi Ngói	SV	xã Vĩnh Khang	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
thôn Bèo 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 02"	105° 37' 18"					F-48-92-C-c
thôn Bèo 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 11"	105° 37' 27"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
thôn Cẩm Bào	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 19"	105° 36' 04"					F-48-92-C-c
thôn Cầu Mư	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 34"	105° 37' 01"					F-48-92-C-c
Cầu Đá	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 25"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Mỏ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 06"	105° 36' 18"					F-48-92-C-c
thôn Đồi Thợi	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 33"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c
thôn Đông Môn 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 59"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
thôn Đông Môn 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 52"	105° 36' 33"					F-48-92-C-c
đồi Hang Ma	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 07' 10"	105° 35' 56"					F-48-92-C-c
đồi Hiệu Lộc	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
Đồi Mỏ	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 11"	105° 36' 14"					F-48-92-C-c
Thành Nhà Hồ	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 44"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 32"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
thôn Thành Phong	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 07"	105° 35' 35"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn Xuân Áng	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 22"	105° 36' 25"					F-48-92-C-c
xóm 5	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 06"	105° 42' 50"					F-48-92-C-d
xóm 6	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 05"	105° 43' 01"					F-48-92-C-d
xóm 7	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 56"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
xóm 8	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 03"	105° 43' 14"					F-48-92-C-d
xóm 9	DC	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 09"	105° 43' 27"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
cầu Bồng Trung	KX	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
núi Eo Cò	SV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 18"	105° 44' 49"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Thung Vình	SV	xã Vĩnh Minh	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 35"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
núi Cẩm Viên	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 02"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
núi Chùa Thăng	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 29"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
núi Đường Sào	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 27"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
động Hồ Công	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 04"	105° 35' 53"					F-48-92-C-c
Cầu Kiểu	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 36"	105° 35' 17"					F-48-92-C-c
thôn Kỳ Ngãi 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 35' 31"					F-48-92-C-c
thôn Kỳ Ngãi 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 52"	105° 35' 21"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Ngói	SV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 36' 11"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Phi Bình 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 43"	105° 35' 39"					F-48-92-C-c
thôn Phi Bình 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 44"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Vực 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 37"	105° 36' 19"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Vực 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 36' 8"					F-48-92-C-c
thôn Yên Lạc 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 43"	105° 35' 44"					F-48-92-C-c
thôn Yên Lạc 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 46"	105° 35' 34"					F-48-92-C-c
thôn Bái Xuân	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 37"	105° 37' 05"					F-48-92-C-c
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d
thôn Cổ Điệp	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 37' 44"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Minh	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 49"	105° 37' 08"					F-48-92-C-c
hồ Mang Mang	TV	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 57"	105° 38' 31"					F-48-92-C-d
thôn Phúc Khang	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 02"	105° 37' 34"					F-48-92-C-d
thôn Tân Phúc	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 41"	105° 38' 06"					F-48-92-C-d
thôn Văn Hanh	DC	xã Vĩnh Phúc	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 23"	105° 38' 06"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
thôn Cẩm Hoàng 1	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 40"	105° 33' 40"					F-48-92-C-c
thôn Cẩm Hoàng 2	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 35"	105° 33' 25"					F-48-92-C-c
đò Chợ Bãi	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 54"	105° 33' 15"					F-48-92-C-c
núi Eo Lê	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 19"	105° 34' 16"					F-48-92-C-c
thôn Eo Lê	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 18"	105° 34' 30"					F-48-92-C-c
đồi Hiêu Lộc	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 56"	105° 35' 00"					F-48-92-C-c
thôn Lê Sơn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 36"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mát	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 41"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
thôn Quan Nhân	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 06' 25"	105° 34' 44"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Ích 1	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 41"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Ích 2	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 34' 07"					F-48-92-C-c
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 12"	105° 42' 19"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 08"	105° 42' 25"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 07"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 14"	105° 42' 36"					F-48-92-C-d
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
Chợ Bồng	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 59"	105° 42' 18"					F-48-92-C-d
Đò Bồng	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
cầu Bồng Trung	KX	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
Thôn Chùa	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 22"	105° 42' 34"					F-48-92-C-d
Thôn Đình	DC	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 24"	105° 42' 43"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Mông Cù	SV	xã Vĩnh Tân	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 41"	105° 36' 22"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 30"	105° 36' 40"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 21"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 18"	105° 36' 46"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 10"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 57"	105° 36' 46"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 45"	105° 36' 42"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 04"	105° 37' 31"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
Cầu Công	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 41"	105° 37' 59"					F-48-92-C-d
Núi Đún	SV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 01"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Công ty Vĩnh Hòa	KX	xã Vĩnh Thành	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 44"	105° 36' 58"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 46"	105° 43' 44"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 51"	105° 43' 47"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 55"	105° 43' 51"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 27"	105° 43' 36"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 35"	105° 43' 40"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 36"	105° 44' 05"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 34"	105° 44' 20"					F-48-92-C-d
thôn 8	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 31"	105° 44' 28"					F-48-92-C-d
thôn 9	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 24"	105° 44' 31"					F-48-92-C-d
thôn 10	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 43' 59"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 40"	105° 44' 14"					F-48-92-C-d
thôn 12	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 45"	105° 44' 25"					F-48-92-C-d
thôn 13	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 32"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
thôn 14	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 47"	105° 43' 41"					F-48-92-C-d
thôn 15	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 37"	105° 45' 05"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-d
núi Bảo Sơn	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 00"	105° 45' 29"					F-48-92-D-c
núi Cô Sơn	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 50"	105° 44' 53"					F-48-92-C-d
Làng Đoài	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 46"	105° 43' 44"					F-48-92-C-d
Làng Đông	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 50"	105° 44' 13"					F-48-92-C-d
đồi Đồng Hang	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 02' 30"	105° 45' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đồng Lừ	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 01' 51"	105° 44' 27"					F-48-92-C-d
núi Lục Sung	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 42"	105° 45' 07"					F-48-92-D-c
núi Mũi Ngai	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 12"	105° 45' 50"					F-48-92-D-c
Núi Nhây	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 14"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
Làng Sanh	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 34"	105° 44' 20"					F-48-92-C-d
Làng Trung	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Lộc	20° 00' 37"	105° 43' 52"					F-48-92-C-d
quốc lộ 45	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Cầu Đá	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 25"	105° 36' 50"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Thành Nhà Hồ	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 44"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Phố Mới	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 03' 59"	105° 36' 37"					F-48-92-C-c
thôn Phú Lĩnh	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 10"	105° 35' 33"					F-48-92-C-c
thôn Phương Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 11"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
thôn Tây Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 31"	105° 35' 44"					F-48-92-C-c
thôn Thổ Phụ	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 00"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn Xuân Giai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 20"	105° 36' 29"					F-48-92-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 52"	105° 35' 05"					F-48-92-C-c
hồ Mỹ Xuyên	TV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 08"	105° 34' 26"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Xuyên	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 20"	105° 34' 59"					F-48-92-C-c
thôn Phù Lưu	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 23"					F-48-92-C-c
núi Phú Yên	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 39"	105° 34' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Đồn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 16"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
Núi Thượng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
Hang Tượng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 35"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
Đồi Voi	SV	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 05' 59"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tôn Hạ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 29"	105° 34' 12"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tôn Thượng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Vĩnh Lộc	20° 04' 22"	105° 35' 06"					F-48-92-C-c
khu 1	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 37"	105° 38' 46"					E-48-8-A-b
khu 2	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 22"	105° 38' 50"					E-48-8-A-b
khu 3	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu 4	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 16"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
khu 5	DC	TT. Quáo Lào	H. Yên Định	19° 58' 26"	105° 38' 56"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	TT. Quáo Lào	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	TT. Quáo Lào	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
khu phố 1	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 17"	105° 30' 04"					F-48-91-D-d
khu phố 2	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 30"	105° 29' 50"					F-48-91-D-d
khu phố 3	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 25"	105° 29' 35"					F-48-91-D-d
khu phố 4	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 28"	105° 28' 33"					F-48-91-D-d
Trại giam số 5	KX	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 03"	105° 30' 29"					F-48-92-C-c
khu phố 3/2	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 32"	105° 30' 53"					F-48-92-C-c
Sông Hép	TV	TT. Thống Nhất	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c
Núi Mành	SV	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 52"	105° 30' 43"					F-48-92-C-c
khu phố Sao Đỏ	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 30"	105° 29' 17"					F-48-91-D-d
khu phố Sơn Phòng	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 29' 50"					F-48-91-D-d
khu phố Thắng Lợi	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 00' 41"	105° 28' 37"					F-48-91-D-d
khu phố Thăng Long	DC	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 02' 54"	105° 29' 48"					F-48-92-C-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thống Nhất	KX	TT. Thống Nhất	H. Yên Định	20° 01' 52"	105° 29' 02"					F-48-91-D-d
quốc lộ 45	KX	xã Định Bình	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
thôn Ấp Trú	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 43"	105° 40' 01"					E-48-8-A-b
thôn Căng Thượng 1	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 06"	105° 40' 19"					E-48-8-A-b
thôn Căng Thượng 2	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 09"	105° 40' 05"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Cầu Chày	TV	xã Định Bình	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Công Bình	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 40' 12"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 1	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 32"	105° 39' 45"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 2	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 37"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Đắc Trí 3	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 42"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Kênh Khê	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 34"	105° 39' 38"					E-48-8-A-b
thôn Làng Sen	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 01"	105° 39' 29"					E-48-8-A-b
thôn Lập Thôn	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 40' 16"					E-48-8-A-b
thôn Mỹ Nga	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 28"	105° 40' 16"					E-48-8-A-b
Cầu Si	KX	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 57' 23"	105° 39' 36"					E-48-8-A-b
thôn Tân Lai	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 56"	105° 39' 47"					E-48-8-A-b
thôn Yên Thành	DC	xã Định Bình	H. Yên Định	19° 56' 56"	105° 39' 58"					E-48-8-A-b
Đò Bông	KX	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 37"	105° 45' 18"					E-48-8-B-a
thôn Cẩm Trướng 1	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 26"	105° 44' 53"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 2	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 36"	105° 44' 56"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 3	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 56' 46"	105° 44' 56"					E-48-8-A-b
thôn Cẩm Trướng 4	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 02"	105° 45' 02"					E-48-8-B-a
sông Cầu Chày	TV	xã Định Công	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
thôn Khang Nghệ	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 18"	105° 44' 53"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Công	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Phú Ninh	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 24"	105° 44' 35"					E-48-8-A-b
thôn Quan Yên	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 46"	105° 44' 26"					E-48-8-A-b
xóm Yên Thôn	DC	xã Định Công	H. Yên Định	19° 57' 57"	105° 44' 02"					E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Hải	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	F-48-92-C-d
thôn Ái Thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 29"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
thôn Ái Thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 28"	105° 40' 11"					F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hải	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Duyên Lộc 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 53"	105° 40' 25"					F-48-92-C-d
thôn Duyên Lộc 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Định Hải	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d
Đò Sét	KX	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 38' 49"					F-48-92-C-d
thôn Sét Thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 33"	105° 38' 51"					F-48-92-C-d
thôn Sét Thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 38' 58"					F-48-92-C-d
làng Thịnh Thôn	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 43"	105° 39' 18"					F-48-92-C-d
thôn Trịnh Điện 1	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 42"	105° 39' 33"					F-48-92-C-d
thôn Trịnh Điện 2	DC	xã Định Hải	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 39' 37"					F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hòa	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
sông Bầu Nga	TV	xã Định Hòa	H. Yên Định			19° 56' 39"	105° 40' 38"	19° 56' 24"	105° 40' 49"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Hòa	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đồng Hà	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 56' 27"	105° 40' 52"					E-48-8-A-b
thôn Mai Trung	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 12"	105° 41' 35"					E-48-8-A-b
thôn Nội Thôn	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 56' 40"	105° 41' 13"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Phang Thôn	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 45"	105° 40' 55"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lai	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 18"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thôn 1	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 30"	105° 41' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thôn 2	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 24"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn Thung Thượng	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 38"	105° 41' 13"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
thôn Tố Phác	DC	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 29"	105° 41' 04"					E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Hòa	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Hưng	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Định Hưng	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Đồng Tình	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 52"	105° 39' 22"					E-48-8-A-b
thôn Duyên Hy 1	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 18"	105° 39' 30"					E-48-8-A-b
thôn Duyên Hy 2	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 15"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Hổ Thôn	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 36"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
thôn Vệ Thôn 1	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 39' 55"					E-48-8-A-b
thôn Vệ Thôn 2	DC	xã Định Hưng	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 40' 05"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	20° 00' 00"	105° 38' 10"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 50"	105° 38' 06"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 42"	105° 38' 05"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 07"	105° 37' 38"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 03"	105° 37' 22"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 24"	105° 37' 19"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 37' 56"					E-48-8-A-a
quốc lộ 45	KX	xã Định Liên	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b, F-48-92-C-d
thôn 4/1	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 38' 15"					E-48-8-A-b
thôn 4/2	DC	xã Định Liên	H. Yên Định	19° 59' 28"	105° 38' 12"					E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Liên	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 58"	105° 38' 29"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 51"	105° 38' 26"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 38' 47"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 59' 28"	105° 38' 55"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 58' 48"	105° 38' 33"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Long	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 38' 42"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Định Long	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Long	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Long	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
kênh B1	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			19° 59' 45"	105° 40' 44"	19° 59' 15"	105° 43' 00"	E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
Phà Hoành	KX	xã Định Tân	H. Yên Định	20° 00' 28"	105° 41' 10"					F-48-92-C-d
thôn Kênh Thôn	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 43"	105° 42' 00"					E-48-8-A-b
đò Lang Thôn	KX	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Tân	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-d, E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Long	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 58' 33"	105° 41' 28"					E-48-8-A-b
núi Yên Định	SV	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 42"	105° 41' 10"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 1	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 55"	105° 41' 22"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 2	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 41' 25"					E-48-8-A-b
thôn Yên Định 3	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 44"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn Yên Hoành 1	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	20° 00' 08"	105° 41' 10"					E-48-8-C-d
thôn Yên Hoành 2	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 57"	105° 41' 03"					E-48-8-A-b
thôn Yên Hoành 3	DC	xã Định Tân	H. Yên Định	19° 59' 59"	105° 41' 17"					E-48-8-A-b
thôn Bái Trại 1	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 38' 04"					E-48-8-A-b
thôn Bái Trại 2	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 53"	105° 37' 48"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Tăng	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Hoạch Thôn	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 33"	105° 37' 23"					E-48-8-A-a
thôn Phú Cẩm	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 37' 26"					E-48-8-A-a
thôn Phú Cường	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 35"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
thôn Phú Thọ	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 56' 31"	105° 37' 49"					E-48-8-A-b
thôn Thạch Đài	DC	xã Định Tăng	H. Yên Định	19° 57' 38"	105° 37' 25"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 40"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 33"	105° 42' 36"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 26"	105° 42' 40"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 12"	105° 42' 32"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 10"	105° 43' 32"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 23"	105° 43' 29"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 13"	105° 43' 37"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 11"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
thôn 9	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 09"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn 10	DC	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 06"	105° 44' 04"					E-48-8-A-b
Kênh Bắc	TV	xã Định Thành	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Thành	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
Núi Chùa	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 12"	105° 43' 26"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Núi Nẫn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 15"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
Núi Nghẹn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 46"	105° 43' 37"					E-48-8-A-b
Núi Son	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 30"	105° 43' 16"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Thành	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 42' 28"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 38"	105° 42' 31"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 42' 39"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 42' 47"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 26"	105° 43' 01"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 20"	105° 43' 05"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 23"	105° 43' 10"					E-48-8-A-b
thôn 8	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 43"	105° 43' 09"					E-48-8-A-b
thôn 9	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 37"	105° 43' 12"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 10	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 30"	105° 43' 16"					E-48-8-A-b
thôn 11	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 22"	105° 43' 17"					E-48-8-A-b
thôn 12	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 20"	105° 43' 01"					E-48-8-A-b
thôn 13	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 36"	105° 42' 28"					E-48-8-A-b
thôn 14	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 38"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
thôn 15	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 41"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn 16	DC	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 58' 45"	105° 42' 03"					E-48-8-A-b
kênh B1	TV	xã Định Tiến	H. Yên Định			19° 59' 45"	105° 40' 44"	19° 59' 15"	105° 43' 00"	E-48-8-A-b
đò Lang Thôn	KX	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 59' 49"	105° 42' 22"					E-48-8-A-b
Núi Lớn	SV	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 57' 35"	105° 43' 55"					E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Định Tiến	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-A-b
núi Yên Thôn	SV	xã Định Tiến	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 42' 50"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Định Tường	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
đường tỉnh 528	KX	xã Định Tường	H. Yên Định			19° 58' 17"	105° 39' 04"	20° 00' 27"	105° 38' 56"	E-48-8-A-b
thôn Bối Lim	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 56' 59"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Định Tường	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Lý Yên	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 58' 27"	105° 39' 18"					E-48-8-A-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 57' 40"	105° 38' 35"					E-48-8-A-b
thôn Thành Phú	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 58' 08"	105° 38' 46"					E-48-8-A-b
thôn Thiết Đinh	DC	xã Định Tường	H. Yên Định	19° 57' 59"	105° 38' 13"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 19"	105° 33' 23"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 13"	105° 33' 33"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 06"	105° 33' 39"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 00"	105° 33' 45"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 51"	105° 33' 42"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 01"	105° 33' 27"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 14"	105° 33' 17"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 06"	105° 33' 17"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 01"	105° 33' 09"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 42"	105° 35' 48"					F-48-92-C-c
thôn 11	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 24"	105° 36' 07"					F-48-92-C-c
thôn 12	DC	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 20"	105° 32' 13"					F-48-92-C-c
núi Diệu Sơn	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 04' 15"	105° 32' 53"					F-48-92-C-c
suối Hón Sỏi	TV	xã Quý Lộc	H. Yên Định			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"	F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Quý Lộc	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mố	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 32"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c
Núi Nghễ	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 17"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
Núi Rách	SV	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 45"	105° 33' 29"					F-48-92-C-c
bến đò Sơn Đông	KX	xã Quý Lộc	H. Yên Định	20° 03' 59"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Bái	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Bái	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
thôn Phú Đức	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 40"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Tâm Đông	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 34' 23"					F-48-92-C-c
thôn Trường Sinh	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 54"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Yên Lọc	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	19° 59' 57"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn Yên Lý	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 53"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Yên Ninh	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 34' 01"					F-48-92-C-c
thôn Yên Phúc	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 34' 05"					F-48-92-C-c
thôn Yên Sơn	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 29"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c
thôn Yên Tu	DC	xã Yên Bái	H. Yên Định	20° 00' 42"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 34"	105° 32' 28"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 32' 10"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 49"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 01' 01"	105° 31' 23"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 31' 12"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 08"	105° 31' 19"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 02"	105° 31' 21"					F-48-92-C-c
làng Bùi Thượng	DC	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Giang	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
Sông Hép	TV	xã Yên Giang	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c, E-48-8-A-a
Cầu Nẫm	KX	xã Yên Giang	H. Yên Định	20° 00' 46"	105° 31' 41"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Hùng	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
thôn Cường Thịnh	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 35' 28"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Sơn	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 33' 54"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hùng Thái	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 55"	105° 35' 05"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Thành	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	20° 00' 12"	105° 35' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thành Công	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn Yên Hòa	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 37"	105° 34' 53"					E-48-8-A-a
thôn Yên Nông	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn Yên Thượng	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 33"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn Yên Xuyên	DC	xã Yên Hùng	H. Yên Định	19° 59' 40"	105° 33' 54"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Lạc	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 16"	105° 35' 13"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 35"	105° 35' 27"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 34"	105° 35' 38"					E-48-8-A-a
thôn Châu Thôn 4	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 31"	105° 35' 44"					E-48-8-A-a
thôn Hanh Cát 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 13"	105° 35' 39"					E-48-8-A-a
thôn Hanh Cát 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 19"	105° 35' 52"					E-48-8-A-a
thôn Hanh Cát 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 10"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 1	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 03"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 2	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 58' 09"	105° 36' 10"					E-48-8-A-a
thôn Phác Thôn 3	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Định	19° 57' 59"	105° 36' 21"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
núi Bái Mạ	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 05' 02"	105° 29' 32"					F-48-91-D-d
Hang Cá	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 02"	105° 30' 50"					F-48-92-C-c
thôn Cao Khánh	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 53"	105° 31' 08"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cây Đèn	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 44"	105° 31' 16"					F-48-92-C-c
Núi Chùa	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 43"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn Diệu Sơn	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 59"	105° 31' 59"					F-48-92-C-c
thôn Đông Sơn	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 57"	105° 31' 44"					F-48-92-C-c
núi Hang Cá	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 49"	105° 30' 25"					F-48-92-C-c
thôn Hành Chính	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 11"	105° 31' 55"					F-48-92-C-c
suối Hón Sỏi	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Định			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"	F-48-92-C-c
Núi Loóng	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 49"	105° 30' 17"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 37"	105° 32' 10"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ 1	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 46"	105° 32' 24"					F-48-92-C-c
thôn Phong Mỹ 2	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 31"	105° 32' 31"					F-48-92-C-c
thôn Phúc Trí	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 16"	105° 30' 47"					F-48-92-C-c
thôn Quan Trì	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 30"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
hồ Thắng Long	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 46"	105° 31' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thắng Long	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 40"	105° 32' 02"					F-48-92-C-c
núi Thiên Trụ	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 02' 59"	105° 31' 52"					F-48-92-C-c
hang Thở Quan Trì	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 03' 11"	105° 31' 01"					F-48-92-C-c
núi Thung Voi	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 27"	105° 30' 43"					F-48-92-C-c
núi Vụng Chò	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 05' 16"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c
núi Yên Định	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Định	20° 04' 09"	105° 30' 11"					F-48-92-C-c
thôn Bích Động 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 23"	105° 35' 34"					E-48-8-A-a
thôn Bích Động 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 12"	105° 35' 34"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Đô 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 11"	105° 36' 31"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Đô 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 08"	105° 36' 37"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 1	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 10"	105° 35' 44"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 2	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 01"	105° 35' 49"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 3	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 58' 49"	105° 35' 53"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 4	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 58' 53"	105° 36' 03"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 5	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 05"	105° 35' 56"					E-48-8-A-a
thôn Trịnh Xá 6	DC	xã Yên Ninh	H. Yên Định	19° 59' 05"	105° 36' 05"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 20"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 19"	105° 35' 52"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 15"	105° 36' 00"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 12"	105° 36' 06"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 09"	105° 36' 13"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 08"	105° 36' 18"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 04"	105° 36' 26"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 01' 00"	105° 36' 36"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 00' 56"	105° 36' 43"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Yên Phong	H. Yên Định	20° 00' 38"	105° 35' 52"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Yên Phong	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn 1	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 31"	105° 32' 48"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 18"	105° 32' 44"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 20"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 18"	105° 32' 54"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	19° 59' 56"	105° 33' 10"					F-48-92-C-a
thôn 6	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	20° 00' 16"	105° 33' 11"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Phú	H. Yên Định	19° 59' 53"	105° 33' 21"					F-48-92-C-c
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Phú	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Tâm	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
Núi Chùa	SV	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 43"	105° 31' 34"					F-48-92-C-c
thôn Đa Vìn	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 44"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c
Sông Hép	TV	xã Yên Tâm	H. Yên Định			20° 06' 08"	105° 25' 20"	19° 59' 58"	105° 31' 53"	F-48-92-C-c
thôn Mỹ Hòa	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 49"	105° 32' 38"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 43"	105° 32' 53"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Lương	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 47"	105° 33' 00"					F-48-92-C-c
thôn Mỹ Quan	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 56"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 20"	105° 31' 41"					F-48-92-C-c
thôn Tân Hưng	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 00' 57"	105° 32' 42"					F-48-92-C-c
thôn Thành Hưng	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 08"	105° 32' 49"					F-48-92-C-c
thôn Thành Lập	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 11"	105° 32' 37"					F-48-92-C-c
thôn Thành Xá	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 01' 27"	105° 32' 42"					F-48-92-C-c
thôn Yên Trường	DC	xã Yên Tâm	H. Yên Định	20° 02' 06"	105° 31' 59"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Kênh Bắc	TV	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 01' 22"	105° 35' 43"	19° 56' 40"	105° 42' 13"	E-48-8-A-b
thôn Lê Xá 1	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 32"	105° 37' 39"					F-48-92-C-d
thôn Lê Xá 2	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 24"	105° 37' 33"					F-48-92-C-d
thôn Lê Xá 3	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 20"	105° 37' 42"					F-48-92-C-d
Sông Mã	TV	xã Yên Thái	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-d
thôn Mỹ Bi	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 03"	105° 36' 54"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 1	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 51"	105° 37' 04"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 2	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 50"	105° 37' 16"					F-48-92-C-c
thôn Phù Hưng 3	DC	xã Yên Thái	H. Yên Định	20° 00' 43"	105° 37' 33"					F-48-92-C-d
thôn 1	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 59' 10"	105° 33' 37"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 59' 00"	105° 33' 48"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 39"	105° 34' 04"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 35"	105° 33' 47"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 20"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 04"	105° 34' 01"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 26"	105° 34' 22"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 39"	105° 34' 44"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 01"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Yên Thịnh	H. Yên Định			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Yên Thịnh	H. Yên Định			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Cầu Vàng	KX	xã Yên Thịnh	H. Yên Định	19° 58' 33"	105° 33' 32"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 40"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 38"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 34"	105° 34' 47"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 33"	105° 35' 01"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 27"	105° 34' 44"					F-48-92-C-c
thôn 6	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 26"	105° 34' 52"					F-48-92-C-c
thôn 7	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 19"	105° 35' 01"					F-48-92-C-c
thôn 8	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 59"	105° 34' 41"					F-48-92-C-c
thôn 9	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 51"	105° 34' 55"					F-48-92-C-c
thôn 10	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 01' 58"	105° 34' 55"					F-48-92-C-c
thôn 11	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 08"	105° 33' 36"					F-48-92-C-c
thôn 12	DC	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 02' 15"	105° 35' 03"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Yên Thọ	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
Núi Mố	SV	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 32"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c
Núi Nghễ	SV	xã Yên Thọ	H. Yên Định	20° 03' 17"	105° 33' 54"					F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Trung	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
thôn Hà Thành	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 24"	105° 33' 00"					F-48-92-C-c
thôn Lạc Tụ	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 34"	105° 34' 16"					F-48-92-C-c
Núi Lời	SV	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 11"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c
thôn Nam Kim	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 01"	105° 33' 18"					F-48-92-C-c
thôn Nam Thạch	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 20"	105° 33' 43"					F-48-92-C-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 26"	105° 33' 22"					F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thọ Cường	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 00' 51"	105° 33' 50"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Khang	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 00' 35"	105° 33' 25"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Lọc	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 04"	105° 34' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Long	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 23"	105° 34' 17"					F-48-92-C-c
thôn Thọ Tiến	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 02' 19"	105° 34' 02"					F-48-92-C-c
thôn Tiến Thắng	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 45"	105° 33' 47"					F-48-92-C-c
thôn Trung Đông	DC	xã Yên Trung	H. Yên Định	20° 01' 33"	105° 33' 43"					F-48-92-C-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-c
đường tỉnh 518	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-92-C-c
thôn Đông Khê	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 00' 41"	105° 35' 38"					F-48-92-C-c
Cầu Kiểu	KX	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 36"	105° 35' 17"					F-48-92-C-c
thôn Lựu Khê 1	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 00' 58"	105° 35' 02"					F-48-92-C-c
thôn Lựu Khê 2	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 09"	105° 35' 20"					F-48-92-C-c
Sông Mã	TV	xã Yên Trường	H. Yên Định			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c
thôn Phố Kiểu	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 29"	105° 35' 24"					F-48-92-C-c
thôn Thạc Quả 1	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 28"	105° 35' 08"					F-48-92-C-c
thôn Thạc Quả 2	DC	xã Yên Trường	H. Yên Định	20° 01' 21"	105° 35' 28"					F-48-92-C-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng